Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn KIDO
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn KIDO
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302705302, CN=Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn KIDO, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-03-24 16:15:32
Foot Reader Version: 10.0.0

KIDO GROUP

BỨT PHÁ DẪN ĐẦU

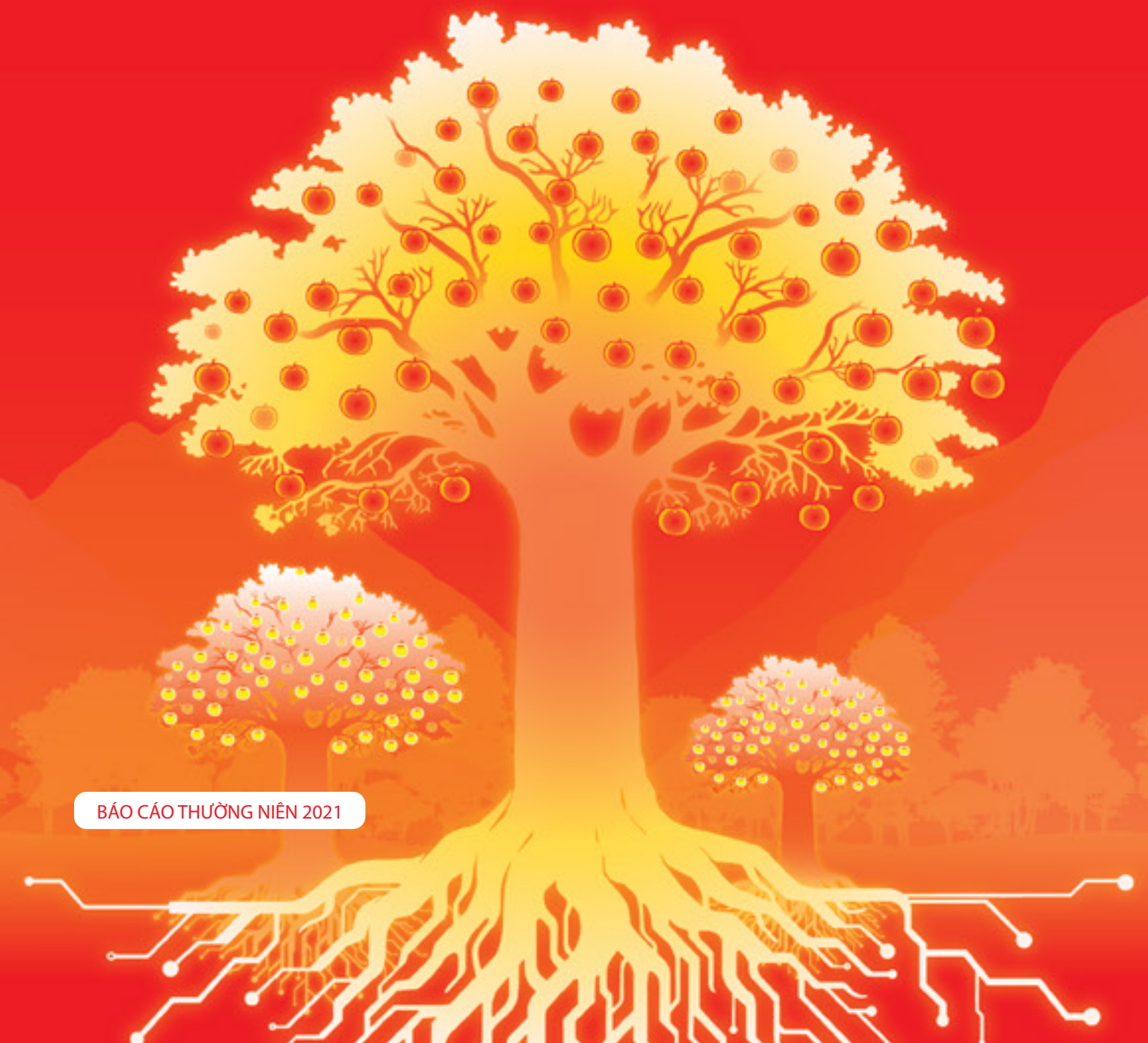

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Thông tin chung	10
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	12
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Cơ cấu tổ chức và Cơ cấu cổ đông	22
Mạng lưới kinh doanh và Các công ty con	30
Hội đồng Quản trị	36
Ban Kiểm soát	40
Ban Điều hành	42

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC

Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành	46
Kết quả hoạt động kinh doanh	50
Chiến lược tập đoàn	56
Chiến lược thị trường	62
Chiến lược thương hiệu	64
Chiến lược khách hàng	66
Mô hình kinh doanh	68
Quá trình số hóa và tự động hóa	70

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị doanh nghiệp	76
Quản trị rủi ro	78
Báo cáo họp HĐQT & Nghị quyết HĐQT	82

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động vì cộng đồng	88
Giải thưởng được ghi nhận	92

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	100
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	102
Báo cáo kiểm toán độc lập	104
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	106
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	109
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	110
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	112

NỀN TẢNG VỮNG VÀNG

SẴN SÀNG BỨT PHÁ

Thông điệp
của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

"Thông qua việc chuyển đổi công nghệ số hóa, nền tảng phát triển bền vững kết hợp cùng sức mạnh nội tại, KIDO đã sẵn sàng để hoàn thành sứ mệnh trở thành tập đoàn thực phẩm số 1 Việt Nam và vươn ra Thế Giới với sứ mệnh "***Hương Vị Cho Cuộc Sống***".

Kính thưa Quý cổ đông!

Lời đầu tiên, tôi xin gởi lời cảm ơn trân trọng đến Quý cổ đông, các nhà đầu tư đã luôn đồng hành cùng chúng tôi vượt qua giai đoạn khó khăn, phát triển bền vững và vững bước trên hành trình bứt phá, chinh phục mục tiêu mới để đưa KIDO trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm hàng đầu Việt Nam và mở rộng sang khu vực Châu Á.

Năm 2021 là năm chứng kiến những tác động nặng nề nhất của đại dịch lên nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng GDP Việt Nam cả năm 2021 chỉ đạt mức tăng 2,58%, giảm nhẹ so với mức 2,91% của năm 2020 (*). Đại dịch Covid-19 vẫn lan rộng sẽ tiếp tục đe dọa đến nền kinh tế trong và ngoài nước, cùng với đó là sự bùng phát của những biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, với hàng loạt chính sách phòng chống dịch từ Chính phủ, vaccine đã được bao phủ, người dân cả nước đã dần thích nghi với cuộc sống bình thường mới và thực hiện biện pháp sống chung với đại dịch. Đồng thời, hiện chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tại Việt Nam đang ở mức tích cực (**), chúng tôi kỳ vọng GDP năm 2022 sẽ dần phục hồi và tăng trưởng cao hơn năm 2021, lạm phát vẫn duy trì ổn định và ở mức dưới 4% nhờ biện pháp kiểm soát của Chính phủ.

Đi cùng với nền tảng phát triển bền vững, sức mạnh nội tại và chiến lược thực thi hiệu quả, Tập đoàn KIDO đặt mục tiêu quan trọng giai đoạn phát triển kế tiếp là **"Bứt phá dẫn đầu"**. Bằng việc tận dụng những thế mạnh và nền tảng vượt trội, chúng tôi tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi công nghệ số, bứt phá để gia tăng thị phần và trở thành đơn vị dẫn đầu trong mỗi ngành hàng mà Tập đoàn tham gia, khẳng định sứ mệnh **TRỞ THÀNH TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM SỐ 1 TẠI VIỆT NAM VÀ VƯƠN RA THẾ GIỚI, TRƯỚC HẾT LÀ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á**.

Dựa trên danh mục sản phẩm kinh doanh đa dạng với các ngành hàng đã được thiết lập, chúng tôi đặt mục tiêu kế hoạch năm 2022 với doanh thu thuần là **14.000 tỷ đồng**, tăng 33% so với năm 2021 và kế hoạch lợi nhuận trước thuế là **900 tỷ đồng**, tăng 31% so với năm 2021.

Vậy đâu là cơ sở để chúng tôi có thể tự tin đặt mục tiêu trên?

Dựa trên những phân tích sơ lược tình hình kinh tế - xã hội, mặc dù diễn biến của dịch bệnh trong giai đoạn tới sẽ rất khó đoán định, tuy nhiên các chuyên gia đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại vào năm 2022 trong bối cảnh tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và trạng thái bình thường mới đã được kích hoạt. Đây là điểm sáng để chúng ta có thể tự tin trong việc thực thi các kế hoạch và chiến lược đã đặt ra.

Ngoài những yếu tố về mặt môi trường, Tập đoàn KIDO sở hữu nguồn lực tài chính, marketing, đội ngũ R&D,... vững mạnh, hệ thống kênh phân phối rộng khắp với 450.000 điểm bán ngành hàng khô, 120.000 điểm bán ngành hàng lạnh, nắm giữ hệ thống nhà máy sản xuất hiện đại, lợi thế về logistics và dây chuyền công nghệ với 02 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh ở Bắc Ninh và Củ Chi; 04 Nhà máy Dầu ăn ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà Bè. Với nền tảng, kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc trong từng lĩnh vực, đặc biệt là sự linh hoạt trong hoạt động kinh doanh kết hợp kinh nghiệm điều hành trong giai đoạn thị trường "động" sẽ giúp chúng tôi đi nhanh và bứt phá mạnh mẽ.

Xét về yếu tố quản trị, việc quản lý tốt chi phí quản lý doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ vào việc tăng lợi nhuận của Tập đoàn. Để tạo nên một thể đoàn kết - thống nhất, chúng tôi đã chuẩn hóa quy trình hoạt động nội bộ, đồng thời tăng cường những lớp đào tạo hàng tuần giúp đội ngũ CBCNV nâng cao năng lực, từ đó hiệu quả hoạt động của công ty cũng ngày một tăng. Bên cạnh đó, việc không ngừng tìm kiếm nguồn nguyên liệu ở nhiều nguồn, nhiều quốc gia và thiết lập quan hệ thân thiết với các đối tác ngoại cũng sẽ giúp KIDO không bị thiếu hụt nguồn cung, có được nguồn nguyên liệu với mức giá phù hợp, từ đó gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Từ những yếu tố khách quan của môi trường kết hợp cùng lợi thế, nền tảng vững chắc, chúng tôi đặt ra mục tiêu cụ thể cho sự phát triển của từng ngành hàng như sau:

Thông điệp
của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG LẠNH

Chúng tôi tập trung mở rộng thị trường, kênh phân phối, tiếp cận các đối tượng khách hàng mới, gia tăng khoảng cách thị phần với các đối thủ, giữ vững vị trí dẫn đầu ngành hàng kem tại Việt Nam bằng chiến lược cụ thể:

1. Phát triển nhiều sản phẩm mới, những sản phẩm phân khúc có nhu cầu lớn, phù hợp xu hướng thưởng thức của người tiêu dùng và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đặc biệt là giới trẻ, nhằm gia tăng sức mạnh thương hiệu và hiệu quả hoạt động của công ty.

2. Cải tiến chất lượng, mẫu mã, tạo nhiều giá trị cho khách hàng hiện hữu và khách hàng mới khi tiêu thụ sản phẩm của công ty.

3. Đầu tư và cải tiến máy móc tối tân, hiện đại phục vụ tối đa việc sản xuất hàng hóa, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường.

4. Đẩy mạnh kênh bán hàng kem Online, nền tảng thương mại điện tử được đánh giá là vô cùng tiềm năng.

5. Tập trung xây dựng hai thị trường lớn là Take home và xuất khẩu bên cạnh thị trường To go.

6. Kết hợp với chuỗi cửa hàng F&B của Tập đoàn, kênh MT (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi,...), kênh bán hàng trực tuyến và kênh Thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Sendo, Tiki,...).

NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM HẰNG NGÀY

Dầu ăn (Kênh bán lẻ)

Việc chú trọng và đẩy mạnh các sản phẩm cốt lõi, các sản phẩm ở phân khúc cao cấp, chủ động cải tiến chất lượng, mẫu mã, bao bì, ... đã giúp chúng tôi duy trì vị thế, thị phần trong thị trường dầu ăn theo tỷ lệ sở hữu và chi phối tăng lên mức 39% (***) và tiếp tục đứng vị trí số 2 toàn ngành tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, lộ trình tái cấu trúc toàn Tập đoàn được triển khai theo đúng tiến độ đã đề ra với cột mốc quan trọng khi Tường An đã thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu và hủy công ty đại chúng. Quyết định chiến lược này sẽ giúp KIDO gia tăng hiệu quả trong các hoạt động tái cấu trúc toàn Tập đoàn, tạo điều kiện để Tường An nói chung các công ty thành viên có thể kế thừa và phát huy các thế mạnh trong sản xuất, cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ số hóa ... để phát huy cao nhất thế mạnh mà mỗi đơn vị thành viên này đang sở hữu.

Khẳng định vị thế trên thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hóa quy trình làm việc nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh lẫn sự tiện lợi của khách hàng, Tập đoàn sẽ tăng cường kinh doanh các sản phẩm chủ lực vốn đã làm nên tên tuổi của chúng tôi trên thị trường dầu ăn trong suốt nhiều năm liền; Quy hoạch thương hiệu nhãn hàng, đồng thời nghiên cứu phát triển nhiều sản phẩm mới phù hợp trong từng giai đoạn, tiến tới mục tiêu dẫn đầu ngành dầu ăn tại Việt Nam trong tương lai gần.

Dầu ăn (Kênh thương mại, công nghiệp và xuất khẩu)

Tập đoàn tập trung khai thác tối đa các thế mạnh về hệ thống nhà máy, cảng biển, bồn chứa và kho bãi có trữ lượng lớn đã được đầu tư để có thể đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ các đơn vị lớn trên thị trường dầu thế giới, để cung cấp sản phẩm theo tiêu chuẩn và yêu cầu của doanh nghiệp trong nước.

Năm 2021, giá nguyên liệu dầu tăng mạnh, tăng hơn 100% do nguồn lao động bị ảnh hưởng gây khó khăn trong việc thu hoạch dẫn đến nguồn cung trên toàn cầu khan hiếm. Dự đoán được tình hình trên, KIDO đã chủ động lên kế hoạch nhập khẩu và dự trữ nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, Covid-19 tác động mạnh đến hoạt động thương mại, gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, khó khăn trong vận chuyển, giá vận tải tăng cao. Với hệ thống bán hàng kênh thương mại, công nghiệp được đẩy mạnh, chúng tôi cũng đã chủ động triển khai các hoạt động nâng cao hiệu quả mô hình kinh doanh, thực hiện việc tiếp cận các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu thực vật trong sản xuất kinh doanh để gia tăng năng lực sản xuất, độ phủ, tạo đà phát triển, mở rộng thị phần đối với đơn vị chuyên trách ở mảng B2B là Vocarimex và KIDO Nhà Bè.

Đáng chú ý, vào tháng 11/2021, chúng tôi đã chính thức đấu giá thành công trọn lô 44 triệu cổ phiếu Công ty Vocarimex, nâng tỷ lệ sở hữu lên 87,3%. Điều này giúp mọi quyết định của KIDO trong ngành dầu sẽ được thông qua dễ dàng hơn, các cuộc cải cách sẽ được KIDO thực hiện mạnh mẽ hơn để đưa mảng B2B phát triển trong tương lai.

Bên cạnh những ngành hàng chủ chốt vốn đã được xem là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn, trong thời gian tới, KIDO sẽ tiếp tục phát triển sản phẩm/ ngành hàng mới trong lĩnh vực Thực phẩm thiết yếu như: nước chấm, gia vị, bột chiên giòn... nhằm bổ sung vào danh mục sản phẩm thiết yếu của Tập đoàn và mang đến sự đa dạng và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

NGÀNH HÀNG SNACKING VÀ NGÀNH HÀNG KHÁC

Tập đoàn sẽ đi theo hướng tạo nên hệ thống danh mục các sản phẩm đa dạng thông qua 2 trụ cột chính là Thực phẩm thiết yếu với 450.000 điểm bán và Thực phẩm đông lạnh với 120.000 điểm bán trên toàn quốc.

Chúng tôi đặt trọng tâm không chỉ quay lại mảng kinh doanh cốt lõi là bánh kẹo trước đây mà còn mở rộng mạnh mẽ sang các ngành hàng mới như: Ngành hàng F&B, Ngành hàng ăn vặt (snacking), Ngành hàng Trung thu, Bánh tươi, quà biếu, cà phê... bằng việc:

1. Đầu tư máy móc, trang thiết bị nhà máy, chủ động nguồn nguyên liệu để sản xuất lượng hàng lớn cung ứng cho thị trường.

2. Nắm bắt xu hướng của người tiêu dùng để điều chỉnh và cho ra mắt các sản phẩm sao cho phù hợp với khẩu vị của người Việt.

3. Khẳng định vị thế trong mảng bánh kẹo Việt với 3 mũi nhọn: Bánh tươi, Bánh Tây, Bánh quà biếu phục vụ lễ hội.

4. Tăng cường liên kết với đối tác quốc tế và hợp tác liên doanh để tạo nên những sản phẩm mới hiện đại, trendy, phù hợp xu hướng tiêu dùng mới.

Riêng đối với chuỗi F&B Chuk Chuk, chúng tôi đặt mục tiêu phát triển thành công 1.000 cửa hàng cho đến hết năm 2025, đồng thời kết hợp với các đối tác để mở rộng ra thị trường nước ngoài. Chuk Chuk ngoài sứ mệnh lan tỏa tinh thần Việt Nam, sẽ là trợ thủ đắc lực, kênh phân phối hiệu quả trong việc kinh doanh các sản phẩm trực thuộc Tập đoàn, cũng là cầu nối giúp các sản phẩm & thương hiệu KIDO tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng Việt Nam lẫn quốc tế.

Thưa Quý cổ đông,

Trong 2 năm vừa qua, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 nhưng chúng tôi đã linh hoạt thay đổi cách thức bán hàng phù hợp để tăng khả năng tiêu thụ khi thực hiện giãn cách xã hội. Khả năng trong thời gian tới, dịch bệnh vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Chiến sự giữa Nga - Ukraina đang diễn ra vô cùng căng thẳng kết hợp cùng chính sách Zero Covid tại nhiều quốc gia khiến giá nguyên liệu biến động mạnh cùng những khó khăn trong việc giao thương, vận chuyển hàng hóa. Tuy vậy, với nền tảng phát triển bền vững, sự linh hoạt trong việc điều hành hoạt động phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm biến động của thị trường kết hợp cùng việc phát huy sức mạnh bên trong lẫn bên ngoài, chúng tôi sẽ nỗ lực bứt phá để hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra, đảm bảo mang lại giá trị lâu dài cho cổ đông trong tất cả các hoạt động kinh doanh hiện tại và trong tương lai của Tập đoàn KIDO.

Kính chúc Quý vị

SỨC KHỎE - HẠNH PHÚC -THÀNH CÔNG!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TRẦN KIM THÀNH

(*) Nguồn: Tổng cục thống kê
(**) Nguồn: Take-profit.org
(***) Số liệu nghiên cứu nội bộ

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN

THÔNG TIN CHUNG

Tổng quan về công ty

Tên giao dịch

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

Tên tiếng Anh: KIDO GROUP CORPORATION

Tên viết tắt: KIDO GROUP

Giấy CNĐKKD: Số **4103001184** do Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 09 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Thông tin niêm yết: Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005 với mã giao dịch chứng khoán là "KDC".

Vốn điều lệ:

2.797.413.560.000 ĐỒNG

(Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm chín mươi bảy tỷ bốn trăm mười ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng.)

Trụ sở chính: 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: +84 8.38270468

Fax: +84 8.38270469

Website: www.kdc.vn

Giới thiệu chung

Được thành lập vào năm 1993, KIDO có tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và kinh doanh phân phối các mặt hàng thực phẩm tiêu dùng như dầu ăn, kem, bánh kẹo, thực phẩm ăn vặt và nước giải khát. KIDO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2002 với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.

Hiện nay, KIDO đang sở hữu 02 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh ở Bắc Ninh và Củ Chi; 04 Nhà máy Dầu ăn ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà Bè. Tổng công suất cung cấp ra thị trường gồm: 21 triệu lít sữa chua/năm; 24 triệu lít kem/năm; hơn 400.000 tấn dầu thành phẩm/năm tại 02 Nhà máy Dầu Tường An và Nhà máy Dầu KIDO Nhà Bè (Golden Hope Nhà Bè trước kia); mỗi năm công suất tại Nhà máy Dầu Vocarimex đạt 130.000 tấn dầu tinh luyện, 120.000 tấn dầu thành phẩm và 4.000 tấn dầu mè. Ngoài ra với lợi thế từ công ty con đem lại, KIDO còn sở hữu hệ thống kho chứa gần 8.000 m^2; Bồn chứa chất lỏng 22.300 m^3 và 04 Cầu Tàu tại Cảng Nhà Bè chịu tải trọng: 20.000 DWT hàng, 5.000 tấn dầu.

Tiếp tục sứ mệnh trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam và mở rộng sang khu vực Châu Á, KIDO đã phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ rộng khắp cả nước với đa dạng các loại thực phẩm tiêu dùng mang tính thiết yếu, tiện lợi và độc đáo tại 450.000 điểm bán ngành hàng khô, 120.000 điểm bán ngành hàng lạnh và hàng loạt chuỗi cửa hàng Signature mang tên Chuk Chuk.

Thông qua việc chuyển đổi linh hoạt các kênh bán hàng trên toàn quốc như kênh GT, MT, KA, CVS, kênh online, sàn thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Sendo, Tiki,...), KIDO sẽ tiếp tục mở rộng thị trường theo hướng cao cấp hóa và đa dạng hóa nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng suốt cả ngày cho người tiêu dùng ở mọi lứa tuổi trên khắp mọi miền đất nước và vươn ra thế giới.

2 Nhà máy thực phẩm đông lạnh

4 Nhà máy dầu ăn

Ngành nghề kinh doanh chính yếu

- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam và mở rộng sang khu vực Châu Á thông qua việc thêm "***Hương vị cho cuộc sống***" và Lấp đầy gian bếp Việt bằng những sản phẩm thiết yếu, an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo.

SỨ MỆNH

Đối với NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của KIDO đối với người tiêu dùng là cung cấp những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả khách hàng để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.

Đối với ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của KIDO là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng thông qua các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Chúng tôi hướng tới mức lợi nhuận hài hòa cho các bên, cải tiến các quy trình cho chất lượng và năng suất để tạo sự phát triển bền vững.

Đối với CỔ ĐÔNG

Với cổ đông, sứ mệnh của KIDO là phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định và vững tin với các khoản đầu tư, đem lại lợi ích mong đợi cho cổ đông.

Đối với NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn ươm mầm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy KIDO luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.

Đối với CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời tích cực tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Chúng tôi tích cực tham gia vào các hoạt động vì xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững.

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI (tiếp theo)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- CÓ TẦM NHÌN
- TÍNH TIÊN PHONG - DẪN ĐẦU
- TÍNH SÁNG TẠO - CÁCH TÂN
- TÍNH CHẤT LƯỢNG
- TÍNH TIN TƯỞNG
- TÍNH NĂNG ĐỘNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

"TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN, KIDO ĐỀU GHI ĐẬM DẤU ẤN RIÊNG, KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT VỚI TÍNH SÁNG TẠO, NĂNG ĐỘNG, TIÊN PHONG ĐI ĐẦU CỦA TẬP ĐOÀN TRÊN CON ĐƯỜNG CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM VIỆT NAM VÀ VƯƠN RA THẾ GIỚI".

1993-1998

Xây dựng nền tảng

1993

Tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô, sở hữu nhà xưởng sản xuất và kinh doanh bánh Snack (100m^2) tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, với 70 công nhân và vốn đầu tư 1,4 tỉ đồng.

1994-1998

Đầu tư xây dựng nhà xưởng mới với diện tích 6 hecta; Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh Cookies, dây chuyền sản xuất bánh mì, bánh bông lan công nghiệp và đưa dây chuyền sản xuất kẹo chocolate vào khai thác.

Tung sản phẩm bánh Snack, bánh Cookies, bánh tươi, bánh Trung thu, Chocolate.

1999-2003

Phát huy sở trường

1999-2001

Khai trương hệ thống Bakery đầu tiên. Tăng vốn điều lệ lên 51 tỷ đồng, mở rộng diện tích nhà xưởng lên hơn 40.000 m^2. Sản phẩm Công ty được xuất khẩu sang Mỹ, Pháp, Canada, Đức, Nhật, Thái, Singapore, ...

2002

Công ty Cổ phần Kinh Đô được thành lập, vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

2003

Mua lại Nhà máy Kem Wall's từ Tập đoàn Unilever và thành lập Công ty KIDO, phát triển 2 nhãn hiệu Merino và Celano. Nhập dây chuyền sản xuất chocolate (1 triệu USD) và tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2004-2008

Tăng cường thêm lực

2004

Thành lập Công ty Kinh Đô Bình Dương.

Công ty Kinh Đô miền Bắc chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán (Mã cổ phiếu: NKD)

2005

Công ty CP Kinh Đô chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán (Mã cổ phiếu: KDC). Tung sản phẩm bánh bông lan Solite.

2006-2008

Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng III, được bình chọn thương hiệu nổi tiếng Việt Nam, được bình chọn là Thương hiệu Quốc gia.

Tung sản phẩm sữa chua Wel Yo.

2010-2014

Khẳng định vị thế

2010-2012

Kinh Đô được bình chọn là Thương hiệu Quốc gia lần 2. Sáp nhập Công ty Kinh Đô miền Bắc và Công ty Cổ phần KIDO. Tiếp tục sáp nhập Vinabico vào KDC.

2013-2014

Đón nhận Huân chương lao động hạng II. Được bình chọn là Thương hiệu Quốc gia lần 4 liên tiếp.

Thương hiệu số 01 trong ngành hàng bánh kẹo và thuộc Top 10 thương hiệu nổi tiếng Việt Nam.

2015-2018

Mở rộng thương hiệu

2015

Ký kết hợp đồng nguyên tắc chuyển giao mảng kinh doanh bánh kẹo cho Mondelez và chính thức thâm nhập vào lĩnh vực thực phẩm thiết yếu. Tháng 10/2015 chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn KIDO.

2016-2018

Kết hợp hai doanh nghiệp lớn trong ngành dầu ăn Tường An và Vocarimex vào tập đoàn. KIDO mua lại 51% cổ phần Golden Hope Nhà Bè và đổi tên thành KIDO Nhà Bè.

Top 10 công ty thực phẩm uy tín.

KDF dẫn đầu thị trường kem lạnh; TAC đứng thứ 2 về thị phần dầu ăn và KIDO Nhà Bè đứng thứ 3 về thị phần dầu ăn.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2019-2021

Sẵn sàng mọi nền tảng

2019-2020

Tập trung vào phân khúc cao cấp với dòng sản phẩm "Tường An Premium - dòng sản phẩm thượng hạng" với biểu tượng voi vàng. Đánh dấu sự trở lại của KIDO trên thị trường snacking (gồm cả bánh kẹo và thực phẩm ăn vặt). Sáp nhập KDF vào KDC.

Được vinh danh Thương hiệu quốc gia 12 năm liên tiếp. Top 10 công ty thực phẩm uy tín. Top 50 thương hiệu dẫn đầu.

2021

Tiếp tục sứ mệnh trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam.

Tung ra những sản phẩm bánh tươi mang thương hiệu KIDO's Bakery theo phong cách "Thưởng Thức Thời Thượng". Ra mắt hàng loạt cửa hàng Signature mang tên Chuk Chuk.

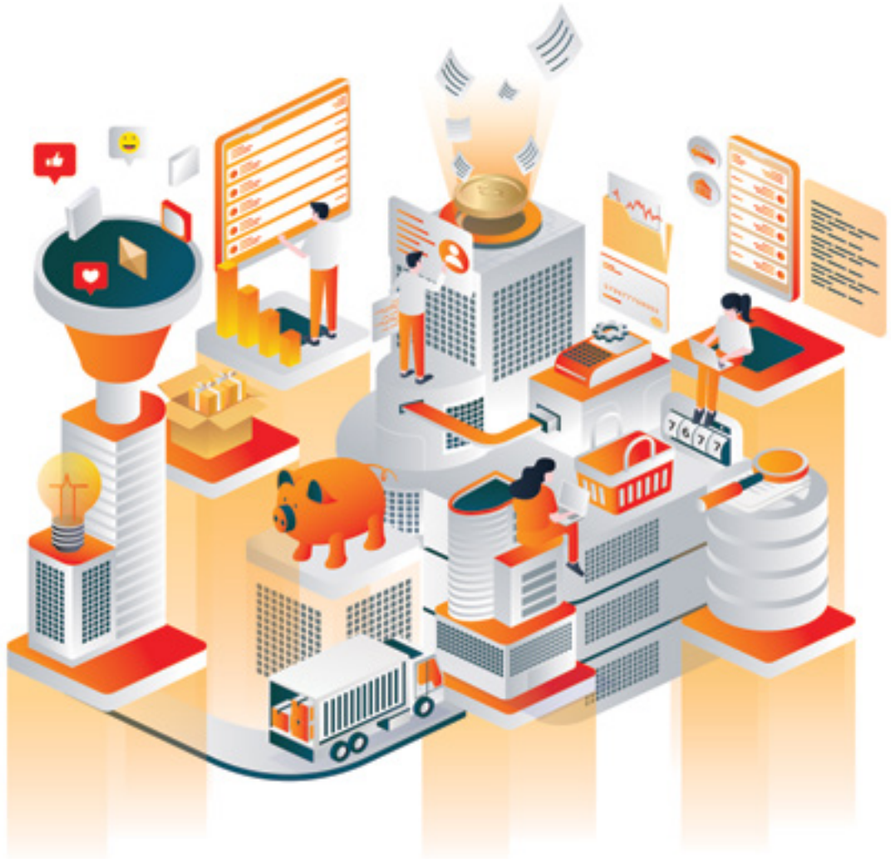

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trên Hội đồng Quản trị là Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị giao nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cho Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát đồng hành với Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong vai trò kiểm soát mọi hoạt động của công ty.

Nhằm tạo sự cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng đường lối chiến lược đã hoạch định, Ban Tổng Giám đốc lập Ủy ban Quản lý Điều hành (EMC) đưa đề bài, yêu cầu với 3 TEAMs và điều tiết toàn bộ hoạt động. Sau đó, hàng loạt vấn đề ở hàng ngang là trung tâm để các Team, bộ phận phòng ban thực hiện triển khai việc; kết hợp với năng lực của từng TEAM được chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa theo hàng dọc.

> ”
>
> ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC) LÃNH ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN VÀ THÚC ĐẨY CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUNG.
>
> “

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

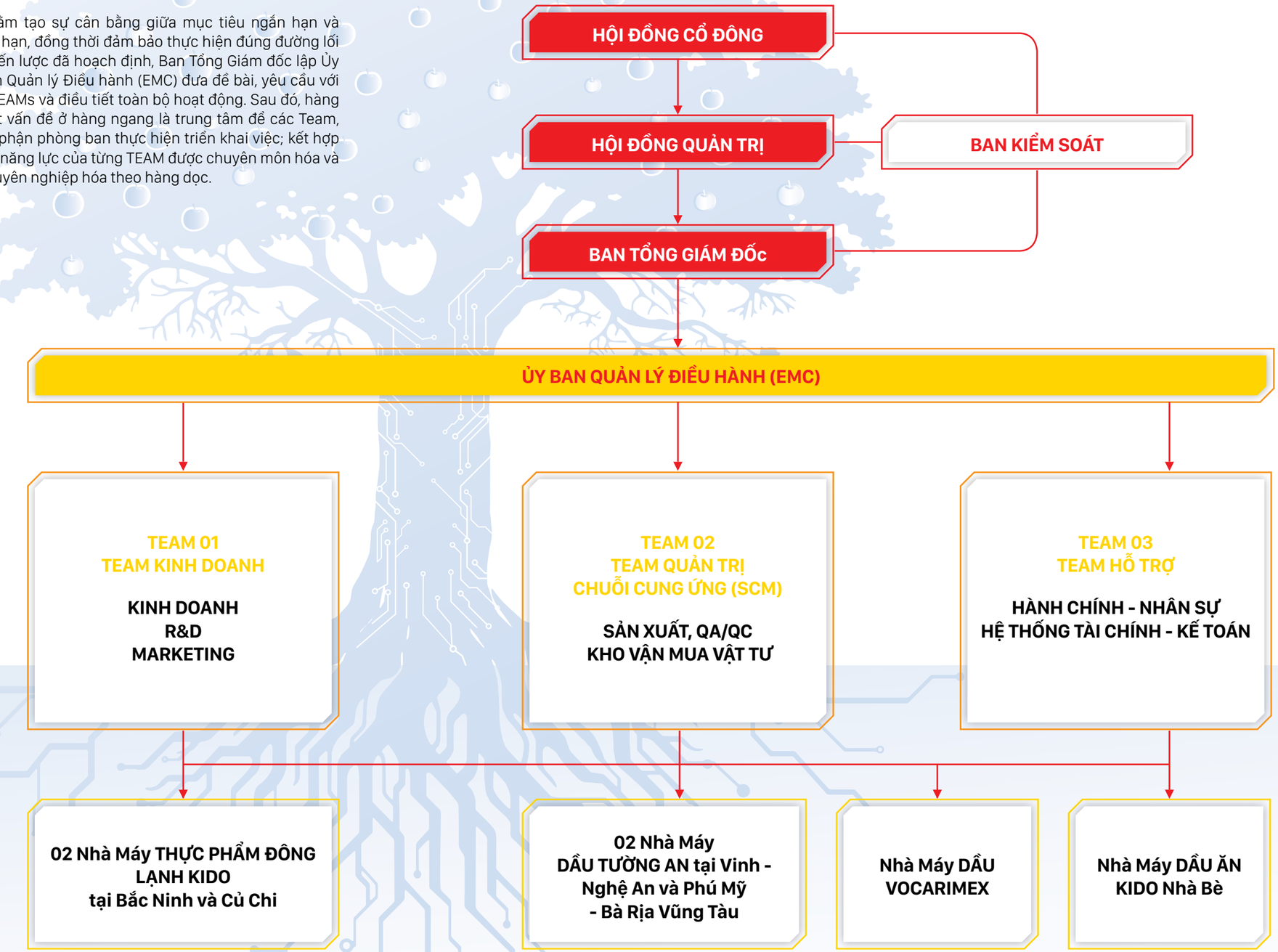

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỪNG TEAM TRONG TẬP ĐOÀN

TEAM 1 - TEAM KINH DOANH

TEAM 1 - TEAM KINH DOANH là đội ngũ đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường. Từ đó, các bộ phận của Team 1 có thể thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Vai trò của Team 1 là cung cấp thông tin phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng của Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các Team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ, đưa ra các ý kiến nhằm phản hồi hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng, những xu hướng của thị trường và luôn lấy người tiêu dùng là trung tâm.

TEAM 2 - QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM)

TEAM 2 - QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM) chuyên trách về các hoạt động sản xuất thành phẩm, kiểm soát chất lượng, hậu cần và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất và phân phối sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Sự phối hợp chặt chẽ của Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm, đúng khối lượng đến đúng đối tượng khách hàng với mức giá cạnh tranh nhất. Đây là bước tiến quan trọng trong chính sách khách hàng và tăng cường phát triển lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn.

TEAM 3 - TEAM HỖ TRỢ

TEAM 3 - TEAM HỖ TRỢ là Team có các chức năng đặc trưng nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty bao gồm nhân sự, hành chính, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Bản chất các dịch vụ của Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như IT, Quản trị Quy trình Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị mua hàng và Tài chính được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.

Thông qua ứng dụng công nghệ số 3 TEAMs được gắn kết chặt chẽ nhằm kịp thời ứng phó với sự biến động của thị trường cả về hàng dọc lẫn hàng ngang.

Vai trò của 3 TEAMs vô cùng quan trọng trong vận hành. Khi thị trường biến động mạnh, vai trò của 3 TEAMs được đưa vào chu kỳ kinh doanh với công suất được thiết kế từ bên trong ở mức độ tăng / giảm khác nhau tùy từng thời điểm nhằm đáp ứng nhu cầu theo sự biến động. Công nghệ số sẽ giải quyết được sự tăng trưởng nhanh chóng của doanh nghiệp, kết nối 3 Teams sẽ chặt chẽ hơn khi công nghệ số được Tập đoàn ứng dụng và ngày càng tối ưu.

- NĂNG LỰC CỦA TỪNG TEAM CẦN PHẢI ĐƯỢC CHUYÊN MÔN HÓA VÀ CHUYÊN NGHIỆP HÓA THEO HÀNG DỌC.
- KẾT HỢP THÔNG TIN THEO HÀNG NGANG.

(Hàng loạt thông tin đều theo 2 chiều và cùng nhau phối hợp để giải quyết việc)

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tính đến thời điểm ngày **31/12/2021**, tổng số CBCNV của Tổng Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO là **3.438 người**.

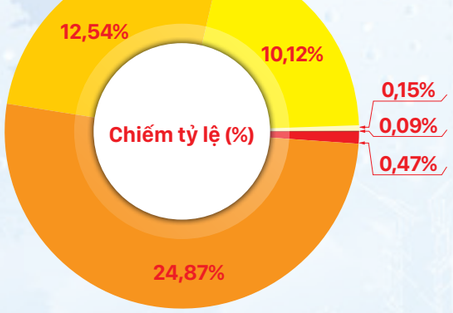

Trình độ tiến sĩ: 0,09%
Trình độ thạc sĩ: 0,47%
Trình độ đại học: 24,87%
Trình độ cao đẳng: 12,54%
Trình độ trung cấp: 10,12%
Trình độ sơ cấp: 0,15%

	Số lượng người
Trình độ tiến sĩ	3
Trình độ thạc sĩ	16
Trình độ đại học	855
Trình độ cao đẳng	431
Trình độ trung cấp	348
Trình độ sơ cấp	5

Còn lại **1.780 người** không phân loại theo trình độ được nêu ở bảng trên (**tỉ lệ 51,80%**)

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Luôn lấy con người làm trọng tâm, KIDO tạo ra môi trường làm việc an toàn, thân thiện, chuyên nghiệp với tinh thần tự chủ cùng nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp hấp dẫn để khuyến khích nhân viên làm việc lâu dài. Việc trải nghiệm một môi trường thân thiện, cởi mở, làm việc đội nhóm, không giới hạn giúp nhân viên khám phá được tiềm năng của mình, và đặt sự tin tưởng vào Ban Lãnh đạo. Song song đó, KIDO còn tập trung vào việc xác định nhân tài, tạo cơ hội cho nhân viên phát triển nghề nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn.

Ban Lãnh đạo Tập đoàn với tâm huyết trao - truyền kiến thức đã thiết kế các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ dành cho CBCNV. Mỗi chương trình đào tạo là một chuỗi các giá trị được đúc kết từ những kinh nghiệm thực tiễn. Việc chia sẻ kiến thức từ Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã mở ra cho nhân viên một lối tư duy khác biệt, linh hoạt, sáng tạo và thích ứng mọi hoàn cảnh thay đổi của môi trường kinh doanh.

Không những tạo môi trường học tập cho CBCNV, KIDO còn tạo ra những sân chơi cho các bạn trẻ thông qua chương trình thực tập sinh. Các bạn trẻ được các Anh, Chị hướng dẫn, chia sẻ và cọ xát với thực tế, được trải nghiệm và đúc kết với kiến thức đã học. Sau đó, được tuyển dụng chính thức và Tập đoàn tiếp tục ươm mầm nhằm giúp các tài năng trẻ đủ khả năng đảm nhận các vị trí quan trọng mà các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn đang mở rộng.

Chủ động trong nguồn lực, KIDO luôn có đội ngũ sẵn sàng cho sự phát triển kinh doanh, giảm thiểu việc thiếu hụt nguồn lực quản lý cấp trung - cao mà tại thị trường lao động Việt Nam đang đối mặt do xu hướng thị trường lao động sau đại dịch Covid-19 đã thay đổi. Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các trung tâm đào tạo kỹ năng để bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV theo từng chuyên ngành và cập nhật liên tục các kiến thức mới để bắt kịp xu hướng hiện đại.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của KIDO tại ngày **31/12/2021** là **279.741.356** cổ phần (tương đương với vốn điều lệ **2.797.413.560.000 VNĐ**), trong đó:

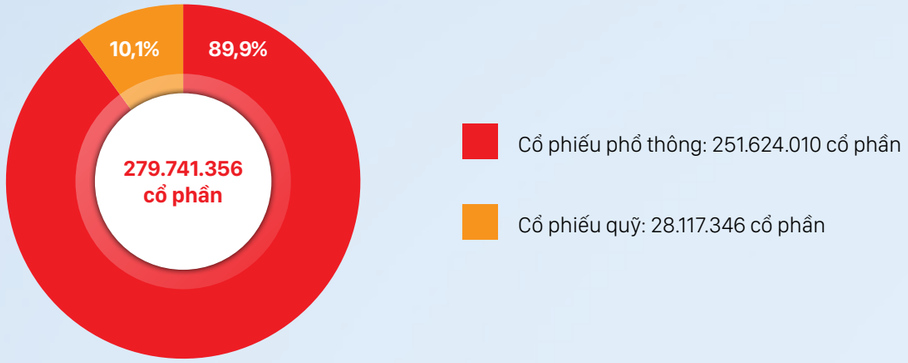

Tổng số cổ phần	279.741.356
Tổng số trái phiếu đang lưu hành	Không có
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	251.624.010
Số lượng cổ phiếu quỹ	28.117.346

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, KIDO không phát sinh thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Năm 2021, KIDO phát hành cổ phiếu chia cổ tức cho Cổ Đông Hiện Hữu với tỷ lệ 10% từ nguồn cổ phiếu quỹ, số lượng phát hành tương ứng: 22.874.910 cổ phiếu.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2021 Công ty không có phát sinh các chứng khoán khác.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN

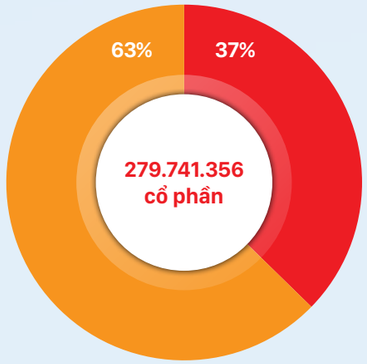

Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần
Trần Lệ Nguyên	34.027.033
CT TNHH Một Thành Viên PPK	22.979.565
CT TNHH Đầu tư KIDO	18.554.201
STAR PACIFICA PTE. LTD.	15.623.000
Liva Holdings Limited	13.200.000
Tổng cộng	104.383.799

MẠNG LƯỚI KINH DOANH VÀ CÁC CÔNG TY CON

MẠNG LƯỚI KINH DOANH

01 TRỤ SỞ KINH DOANH CHÍNH

04 CÔNG TY CON

HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI KHẮP CẢ NƯỚC

15 KHO TRUNG CHUYỂN

300 NHÀ PHÂN PHỐI

450.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH HÀNG KHÔ

120.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH HÀNG LẠNH

HÀNG LOẠT CHUỖI CỬA HÀNG CHUK CHUK.

02 NHÀ MÁY THỰC PHẨM **ĐÔNG LẠNH** ở Bắc Ninh và Củ Chi

01 XƯỞNG TINH LUYỆN DẦU

01 XƯỞNG ÉP DẦU MÈ

04 NHÀ MÁY DẦU THÀNH PHẨM ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà Bè - Tp.HCM

BỒN CHỨA CHẤT LỎNG
75.000 m³

HỆ THỐNG KHO CHỨA GẦN
22.300 m²

04 CẦU TÀU TẠI CẢNG NHÀ BÈ chịu tải trọng: 20.000 DWT hàng, 5.000 tấn dầu

MẠNG LƯỚI KINH DOANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
(tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.
Địa chỉ	138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu thực vật; mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	338.796.480.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 85,07% vốn chủ sở hữu và 88,44% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng phân phối thực phẩm đóng gói rộng khắp cả nước.

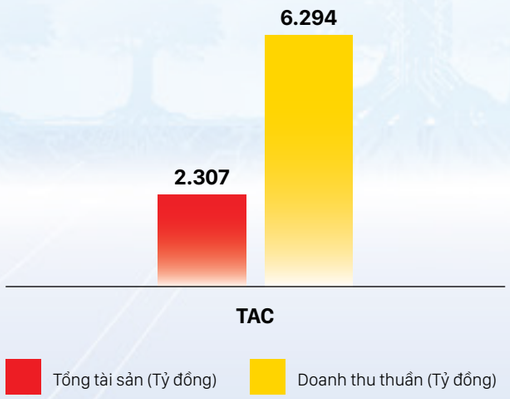

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An đứng thứ 2 về thị phần dầu ăn tại Việt Nam. Bằng sự uy tín, tiên phong và chất lượng trong suốt hơn 44 năm qua, thương hiệu Tường An đã giữ một vị trí quan trọng trong lòng người tiêu dùng Việt được minh chứng qua những giải thưởng uy tín như: Được vinh danh trong danh sách Thương hiệu Quốc gia với 02 sản phẩm Tường An CookingOil và Season Tường An; Top 10 Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất 2020 cho sản phẩm Dầu CookingOil Tường An (Vietnam Report 2020 bình chọn); Top 10 Công ty Thực phẩm Uy tín 2021,...

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH KIDO

Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.
Địa chỉ	Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các thực phẩm đồ ăn, thức uống như kem, sữa và các sản phẩm từ sữa, thức uống không cồn, nước khoáng và các loại thực phẩm đông lạnh.
Vốn điều lệ	560.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng phân phối thực phẩm đông lạnh hiện đại tại Việt Nam.

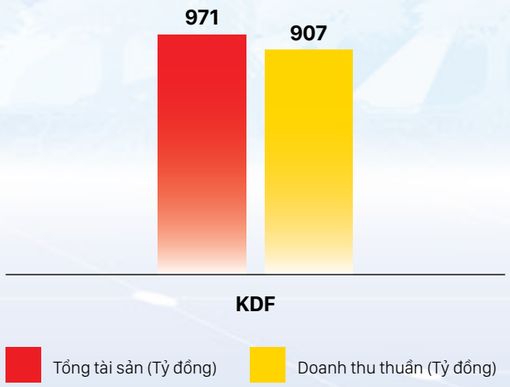

Công ty TNHH Thực phẩm Đông Lạnh KIDO nhiều năm liền giữ vững vị trí số 1 thị trường kem, thị phần lên 43,5%, trong đó thương hiệu Merino chiếm 24,8% và thương hiệu Celano chiếm 17,4% thị phần. Ngoài ra, KIDO Foods cũng vinh dự nằm trong Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2021 nhóm sữa và sản phẩm từ sữa và đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia ở hai nhãn hàng Merino và Celano.

MẠNG LƯỚI KINH DOANH VÀ CÁC CÔNG TY CON
(tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM

Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.
Địa chỉ	58 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh dầu; mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	1.218.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 87,3% vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng hậu cần vững mạnh về nhập khẩu, lưu trữ và phân phối dầu ăn.

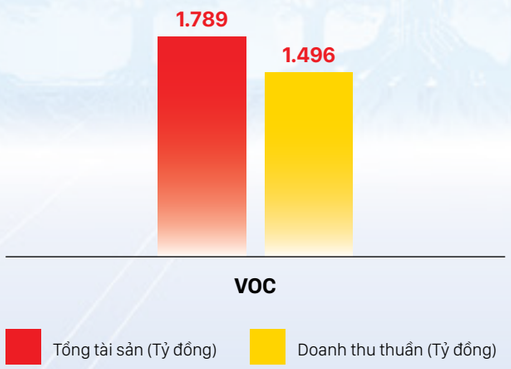

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex) là doanh nghiệp có vốn nhà nước được thành lập với mục đích đẩy mạnh phát triển nền công nghiệp dầu ăn tại Việt Nam. Trong những năm qua, Vocarimex đã đầu tư và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp với nhiều đối tác chiến lược trong khu vực. Bằng nhiều thương vụ đầu tư chiến lược, năng lực sản xuất và hệ thống kho vận, logistics lớn mạnh, Vocarimex đã trở thành công ty hàng đầu trong phân phối nguyên liệu cho các ngành công nghiệp dầu ăn tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH KIDO NHÀ BÈ (KDNB)

Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.
Địa chỉ	370, Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất dầu; mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	97.702.126.518 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 75,99% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng khách hàng công nghiệp rộng lớn.

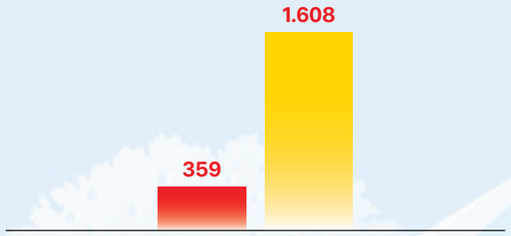

Công ty TNHH KIDO Nhà Bè là công ty dầu ăn thương mại tích hợp lớn thứ ba tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TTV

Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 0316644191 ngày 16 tháng 12 năm 2020 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.
Địa chỉ	Số 20-20B, Đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngành nghề kinh doanh	Buôn bán, sản xuất thực phẩm và đồ uống.
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 61% vốn chủ sở hữu.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng Chuỗi F&B.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại TTV sở hữu hàng loạt chuỗi cửa hàng Signature mang tên Chuk Chuk (Chuỗi F&B Chuk Chuk). Tuy mới ra mắt thị trường nhưng Chuk Chuk đã mở được nhiều điểm bán bao phủ ở nhiều quận trung tâm thành phố. Với hệ thống các cửa hàng được đặt tại các vị trí thuận lợi và bắt mắt, tạo điều kiện để các sản phẩm của KIDO: Bánh tươi, snacking, potatio chip... có thể tiếp cận nhiều hơn với người tiêu dùng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN KIM THÀNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn.

Ông Thành được biết đến với thành viên sáng lập và là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO. Trong suốt 28 năm hình thành và phát triển của KIDO, ông Thành đóng vai trò then chốt và là người đưa ra các quyết định chiến lược cho sự phát triển chung của Tập đoàn.

Luôn nhạy bén nắm bắt cơ hội từ thị trường, hài hòa giữa khả năng quyết đoán và sự cẩn trọng trong quản lý rủi ro, Ông đang dẫn dắt KIDO hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Từ những ngày đầu thành lập của Tập đoàn cho đến nay, Ông đã dành trọn tâm huyết cho mọi hoạt động và trong từng cột mốc, giai đoạn phát triển của KIDO. Ông cũng là người truyền cảm hứng và định hướng phát triển rõ ràng cho Tập đoàn KIDO và các công ty thành viên, quan tâm sâu sát trong việc xây dựng thế hệ lãnh đạo kế thừa tài năng với mong muốn tạo ra một công ty tốt nhất với đội ngũ nhân sự và quy trình vận hành chuyên nghiệp.

Là một doanh nhân có tầm ảnh hưởng, sở hữu nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh, bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông Thành còn là thành viên Ban Quản trị của một loạt các Tập đoàn khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.

Ông TRẦN LỆ NGUYÊN

Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
& Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn.

Là thành viên sáng lập kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Ông Nguyên giữ vai trò then chốt trong mọi hoạt động và trong sự phát triển chung của Tập đoàn KIDO suốt 28 năm qua. Dưới sự điều hành của mình, ông đã góp phần quan trọng trong việc dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm thiết yếu hàng đầu tại Việt Nam và từng bước vươn ra khu vực với danh mục sản phẩm phong phú, chiếm lĩnh thị trường với nhiều sản phẩm, ngành hàng dẫn đầu Việt Nam. Ông còn là người tiên phong, dẫn dắt các thương vụ M&A của Tập đoàn KIDO đi đến những thành công vang dội, đồng thời xây dựng danh mục đa dạng của các thương hiệu góp phần vào quá trình phát triển bền vững của KIDO ngày nay.

Ông Nguyên hiện là Ủy viên Ban chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam.

Bà VƯƠNG BỬU LINH

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT
& Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Bà Linh hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, đồng thời là một trong những thành viên quan trọng sáng lập nên KIDO.

Trong giai đoạn đầu khi sáng lập Tập đoàn, bằng kinh nghiệm trong quản lý, điều hành sản xuất, bà đã giúp Công ty vượt qua những thách thức và ngày càng mở rộng quy mô trên thị trường. Bên cạnh đó, cùng với khả năng và am hiểu sâu sắc trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng, quản lý chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, bà đã xây dựng và phát triển các Phòng, Ban trong chuỗi cung ứng của Tập đoàn, góp phần quan trọng trong việc hình thành nên một trong các doanh nghiệp thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Bà Linh còn đảm nhận vai trò triển khai hệ thống ERP (Hoạch định Tài nguyên Doanh nghiệp) trong Tập đoàn KIDO nhằm tăng cường khả năng của Tập đoàn trong việc ra các quyết định kịp thời và chính xác. Bên cạnh năng lực quản lý chuyên sâu, bà cũng sở hữu nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư giáo dục.

Bà VƯƠNG NGỌC XIỀM

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT
& Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Bà Xiềm được biết đến là một trong các thành viên sáng lập và hiện là Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Với trên 20 năm kinh nghiệm trong việc điều hành chuỗi bán lẻ và nhượng quyền chuỗi cửa hàng Bakery, bà đã có nhiều đóng góp tích cực vào quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp từ những ngày đầu mới thành lập.

Linh động trong việc đổi mới, sáng tạo trong cách tiếp cận để mở rộng thị trường trong chuỗi cửa hàng bán lẻ, bà đã giúp các thương hiệu trực thuộc Tập đoàn ngày càng gắn kết với người tiêu dùng bằng việc mang đến các sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn, dinh dưỡng, phù hợp với xu hướng và khẩu vị của tiêu dùng. Với kinh nghiệm và cách tiếp cận thực tế của mình, bà đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển và thành công của Tập đoàn KIDO trong suốt 28 năm qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên KIDO Nhà Bè

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex), Chủ tịch Hội đồng Thành viên KIDO Nhà Bè, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Bà được biết đến với vai trò Tiến sĩ Kinh tế, và đã có nhiều năm cống hiến, nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao về Tài chính của hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam.

Sôi nổi trong hoạt động, nhạy bén trong tư duy cùng những đóng góp tích cực cho sự phát triển của KIDO nói riêng và nền kinh tế nước nhà nói chung, Bà Liễu đã vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của các Bộ, Ngành; Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam; Giải thưởng Bông Hồng Vàng, Huân chương Lao Động của Chủ tịch Nước trao tặng cùng nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý khác.

Ông TRẦN QUỐC NGUYÊN

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn & Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Ông Nguyên có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các công ty thành viên thuộc Tập đoàn KIDO. Ông hiện là Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, đồng thời đang kiêm nhiệm vai trò Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO.

Trên cương vị của mình, ông đã góp phần quan trọng vào sự phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh, danh mục sản phẩm từ kem, các sản phẩm từ sữa cho đến thực phẩm đông lạnh, cũng như mở rộng kênh phân phối để đưa KIDO trở thành doanh nghiệp có hệ thống phân phối sản phẩm đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Ông còn là người có vai trò lớn trong việc xây dựng hai thương hiệu kem lớn nhất tại Việt Nam hiện nay là Merino và Celano với thị phần dẫn đầu thị trường lên đến hơn 43,5%.

Ông NGUYỄN VĂN THUẬN

Thành viên HĐQT

Ông Thuận là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO. Hoàn thành xuất sắc học vị Tiến sĩ Kinh tế, ông Thuận hiện đảm nhận vị trí Trưởng khoa Thuế - Hải quan, Đại học Tài chính -Marketing. Ông có hơn 36 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực Ngân hàng và Tài chính.

Bên cạnh công việc chuyên môn về giáo dục, ông cũng là cố vấn tài chính cho các công ty và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Ông NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Ông Chương là thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol (Đại học Tây Anh Quốc - UWE, Vương quốc Anh). Ông Chương là đồng sáng lập và Giám đốc - Luật sư Điều hành của Công ty Luật Global Vietnam Lawyers (GVL). Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong hành nghề luật sư tư vấn cho các công ty đa quốc gia và tập đoàn lớn tại Việt Nam trong các giao dịch quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực đầu tư. Ông được công nhận là top 100 luật sư hàng đầu tại Việt Nam thông qua các xuất bản ở tầm quốc tế như FLR1000, In-house Community,Asia Legal Business (ALB), Legal 500 Asia Pacific,...

Ông NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Thành viên HĐQT

Ông Trí là thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Là Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Công nghệ Nanyang ở Singapore, ông Trí đã làm việc cho một công ty sản xuất đường thuộc Bộ Nông nghiệp và tham gia giảng dạy tại Đại học Touro University International nay là Trident University International (California, Hoa Kỳ); Khoa Kinh tế tại Đại học Rissho (Tokyo, Nhật bản); Trường Đại học Kinh tế TP. HCM và các chương trình đào tạo liên kết khác tại Việt Nam. Năm 2016, ông đã được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giáo sư tại Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Stenden, nay là NHL Stenden University of Applied Sciences (Hà Lan).

BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC CHI

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Chi bắt đầu làm việc tại phòng Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán vào năm 2007. Tiếp tục nâng cao năng lực nghiệp vụ và chuyên môn, năm 2012, bà Chi hoàn thành chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Tài Chính ngân hàng tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện bà đang giữ vai trò Trưởng phòng Ngân sách Tập đoàn KIDO và kiêm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Điều hành KIDO Nhà Bè.

Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh và xuất sắc hoàn thành chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Washington State, Hoa Kỳ, Ông Hiển hiện có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Quản lý và Giao dịch Tài chính. Trong thời gian 12 năm làm việc tại KIDO từ năm 1999 - 2011, ông Hiển đã tham gia vào việc quản lý tài chính, quan hệ đối tác, cũng như tham gia hàng loạt các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án tái cấu trúc của Tập đoàn.

Ngoài vị trí Trưởng Ban Kiểm soát của KIDO, Ông Hiển còn là Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Bà LƯƠNG MỸ DUYÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Duyên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán và bắt đầu làm việc cho Tập đoàn KIDO từ năm 1993. Trong suốt 28 năm gắn bó và đồng hành cùng Tập đoàn, Bà đã được tin tưởng và giao phó nắm giữ nhiều vị trí quan trọng bao gồm Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng của KIDO. Từ năm 2006, bà Duyên giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bất động sản KIDO.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông BÙI THANH TÙNG

Phó TGĐ Tập đoàn, TGĐ Công ty TNHH KIDO Nhà Bè, TGĐ Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, Phó TGĐ Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Ông Tùng là thành viên quan trọng, nắm giữ nhiều vai trò chủ chốt trong sự phát triển của KIDO ở thời điểm hiện tại. Ông được biết đến với vai trò Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc KIDO Nhà Bè, Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An và Phó TGĐ Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex). Với kinh nghiệm thực chiến trong hơn 22 năm làm việc và điều hành sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước cùng sự am hiểu sâu sắc quy chế vận hành theo mô hình SBU, Ông đã tham gia dẫn dắt KIDO và các công ty thành viên đi đúng chiến lược và gặt hái nhiều thành tích nổi bật trên thương trường.

Ông tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế và hoàn thành khóa đào tạo Kỹ năng lãnh đạo cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

Ông MAI XUÂN TRẦM

Phó TGĐ Tập đoàn, Phó TGĐ Điều hành Công ty TNHH Thực phẩm Đông lạnh KIDO, TGĐ Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm đồ uống Vibev

Gia nhập Tập đoàn KIDO từ những ngày đầu tiên, Ông Trầm là một trong những thành viên quan trọng trong việc góp phần xây dựng và vận hành mô hình hệ thống phân phối của Tập đoàn. Hiện ông giữ nhiệm vụ điều hành các hoạt động kinh doanh ngành hàng có điều kiện của công ty trong vị trí Phó TGĐ Tập đoàn, Phó TGĐ Điều hành Công ty TNHH Thực phẩm Đông lạnh KIDO, TGĐ Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm đồ uống Vibev. Là một người am hiểu thị trường, có tầm nhìn chiến lược cũng như hoạch định và xây dựng hệ thống quản trị điều hành, ông có sự thông hiểu sâu sắc về công ty, mức độ cạnh tranh và thị trường qua kinh nghiệm thực tiễn làm việc.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và tốt nghiệp MBA tại Trường California Miramar University (Mỹ).

Ông MÃ THANH DANH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Mã Thanh Danh đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ những ngày đầu thành lập. Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ năm 2013, phụ trách mảng Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ cho Tập đoàn. Ông có hơn 12 năm kinh nghiệm trong quản lý chiến lược kinh doanh, tư vấn quản lý thương hiệu, mua bán và sáp nhập (M&A).

Ông được biết đến với vai trò là chuyên gia tư vấn thực thi BigData cho nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam. Ông sở hữu bằng Kỹ sư Điện, Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế và Quản lý Thương hiệu tại Vương quốc Bỉ. Ngoài ra, Ông còn đảm nhận vị trí Mentor chương trình Sharktank Việt Nam và chương trình Blue Venture Việt Nam.

Ông TRẦN TIẾN HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Hoàng gia nhập Tập đoàn KIDO từ năm 1997 và đã có hơn 24 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành hệ thống mua hàng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (FMCG). Năm 2011, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Chuỗi cung ứng.

Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Ông tốt nghiệp Cử nhân Trường Đại học Kinh tế và khóa học về Đào tạo Kỹ năng Lãnh đạo Cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

Ông WANG CHING HUA

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Wang có hơn 28 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm. Với kinh nghiệm đã được tích lũy trong suốt quá trình làm việc, ông Wang đã cùng các sáng lập viên của Tập đoàn đặt nền móng cho các hoạt động sản xuất của KIDO từ những ngày đầu mới thành lập đến việc mở rộng quy mô sản xuất của KIDO trên thị trường thực phẩm tại Việt Nam như hiện nay. Hiện ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.

KẾT NỐI SỨC MẠNH

TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC

Thông điệp
của Tổng Giám đốc Điều hành

"ĐI ĐÚNG CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG VÀ SẢN PHẨM, KẾT HỢP CHIA SẺ KHÓ KHĂN VỚI CỘNG ĐỒNG, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐA DẠNG HOÁ GIỎ SẢN PHẨM CỦA KHÁCH HÀNG TRONG HỆ THỐNG DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM THIẾT YẾU SẼ SỚM ĐƯỢC HOÀN THÀNH VỚI SỰ TIN TƯỞNG VÀ ỦNG HỘ TUYỆT ĐỐI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG."

MỤC TIÊU
TRONG NĂM 2022

14.000 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN

900 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Năm 2021 là một năm đầy bản lĩnh của các doanh nghiệp nói chung và Tập đoàn KIDO nói riêng trước những ảnh hưởng chưa từng có tiền lệ của đại dịch Covid-19. Kể từ khi dịch bùng phát vào đầu tháng 04 năm 2021, hầu hết các tỉnh thành tại Việt Nam đều có ca nhiễm và Thành phố Hồ Chí Minh là nơi được ghi nhận số ca mắc cao nhất cả nước. Điều này gây ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển kinh tế của từng vùng, đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh - Nơi được xem là vùng kinh tế trọng điểm. Để ứng phó với những tình huống khó lường của Covid-19, Tập đoàn KIDO đã triển khai nhiều biện pháp với phương châm vừa sống chung với đại dịch, vừa phát triển kinh tế, đồng thời tận dụng những lợi thế hiện hữu trong ngành thực phẩm thiết yếu để chia sẻ khó khăn với cộng đồng. Tập đoàn KIDO cũng đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh mùa vụ và ổn định nguồn cung, đảm bảo hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng hàng hóa không bị gián đoạn.

Trong năm 2021, Tập đoàn đã linh hoạt trong việc chuyển đổi kênh phân phối, ứng phó với tình hình thực tế trong mùa dịch; Đẩy mạnh việc đưa sản phẩm vào kênh MT (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, ...); Ứng dụng công nghệ số thúc đẩy kênh bán hàng trực tuyến và thúc đẩy mở rộng bán hàng qua kênh Thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Sendo, Tiki, ...). Theo đó, mảng bán lẻ dầu ăn đã có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu ở các sản phẩm trong phân khúc trung & cao cấp; Ngành hàng Kem tiếp tục giữ vị trí đứng đầu thị trường. Tập đoàn cũng đã cho ra mắt một số sản phẩm/ ngành hàng mới trong giai đoạn cuối năm 2021. Nhờ liên tục theo dõi diễn biến của dịch bệnh và linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn, KIDO đã phát huy tối đa các thế mạnh bên trong và bên ngoài, đem lại nhiều thành quả trong hoạt động kinh doanh. Tổng kết năm 2021, doanh thu thuần của Tập đoàn KIDO đạt 10.497 tỷ đồng, hoàn thành 91% kế hoạch năm; Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 688 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch đề ra của cả năm, tăng 65,3% so với năm 2020 và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 653 tỷ đồng tăng mạnh 97,8% so với năm 2020.

NGÀNH HÀNG LẠNH

Dịch bệnh Covid ảnh hưởng mạnh đến sức tiêu thụ Kem tại các khu vui chơi, giải trí, du lịch. Theo đó, Tập đoàn đã nhanh chóng triển khai dịch chuyển kênh bán hàng, liên tục cho ra mắt những sản phẩm mới, phù hợp với xu hướng và nhu cầu thưởng thức của thực khách. Đặc biệt thí điểm thành công mô hình "Mang kem về nhà" với kết quả doanh thu vượt ngoài mong đợi. Nhờ vậy mà hơn 120 ngày thực hiện giãn cách xã hội, trong khi doanh thu và lợi nhuận của tất cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh đều bị ảnh hưởng nặng nề thì việc kinh doanh của ngành hàng lạnh của chúng ta vẫn đạt thành quả cao với doanh thu thuần năm 2021 đạt 1.522 tỷ đồng tăng 17,6% so với năm 2020. KIDO tiếp tục là doanh nghiệp dẫn đầu về thị phần kem với tỷ lệ 43,5%, trong đó thương hiệu Merino chiếm 24,8% và thương hiệu Celano chiếm 17,4% thị phần.

Trong thời gian tới, đối với ngành hàng lạnh, KIDO sẽ tập trung vào mục tiêu mở rộng thị trường đặc biệt là thị trường Take-home và xuất khẩu; Mở rộng kênh phân phối, tiếp cận các đối tượng khách hàng mới nhằm gia tăng khoảng cách thị phần với các đối thủ, giữ vững vị trí dẫn đầu ngành hàng Kem tại Việt Nam; Phát triển sản phẩm theo xu hướng của giới trẻ; Chú trọng thực hiện các hoạt động marketing kích hoạt thương hiệu phù hợp với tình hình mới; Đẩy mạnh sản phẩm ở phân khúc cao cấp và mở rộng đối tượng tiêu dùng. Tiến tới mục tiêu xây dựng Kem trở thành mặt hàng tiêu dùng thường xuyên và ưa thích của đại đa số người tiêu dùng.

Thông điệp
của Tổng Giám đốc Điều hành (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG DẦU ĂN

Đứng trước tình trạng chuỗi cung ứng bị đứt gãy, giá nguyên vật liệu biến động mạnh và chi phí vận chuyển tăng cao, Tập đoàn đã linh hoạt trong việc điều tiết nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa chi phí, kết hợp với khai thác tối ưu hiệu quả chuỗi cung ứng, gia tăng công suất sức chứa của các bồn để đảm bảo nguồn dự trữ cho sản xuất. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã đẩy mạnh sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm. Cụ thể:

1. **Đối với mảng bán lẻ dầu ăn:** KIDO đã chủ động tập trung phát triển các sản phẩm trung và cao cấp, cốt lõi, có lợi nhuận cao, đồng thời đẩy mạnh tương tác, bán hàng trực tuyến cho người tiêu dùng trên nền tảng thương mại điện tử.
2. **Đối với mảng thương mại và công nghiệp:** KIDO đẩy mạnh hoạt động bán hàng thông qua việc mở rộng khối khách hàng thương mại và khách hàng công nghiệp trên toàn quốc, các cơ sở sử dụng dầu ăn trong sản xuất và chế biến các sản phẩm địa phương, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu.

Năm 2021, mảng bán lẻ tiếp tục đem lại doanh số cao cho hoạt động kinh doanh của ngành hàng dầu ăn. Doanh thu thuần ngành hàng dầu ăn năm 2021 đạt 8.904 tỷ đồng, tăng 28,7% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế mảng bán lẻ tại Công ty Tường An đạt 223 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế mảng thương mại và công nghiệp do Công ty Vocarimex đại diện đạt 120 tỷ đồng, hoàn thành 210% kế hoạch năm; Kết hợp với lợi nhuận trước thuế do KIDO Nhà Bè đạt 35,5 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2020.

VỀ NGÀNH HÀNG KHÁC

Trong năm 2021, chúng tôi đã cho ra mắt hàng loạt cửa hàng Offline đặt tại nhiều vị trí đắc địa ở các quận/ huyện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh để phục vụ nhu cầu "offline" lẫn "online" của thực khách. KIDO cũng đã ký kết hợp tác thành công cùng hai đối tác lớn là Sơn Kim Group - Đơn vị đối tác của chuỗi GS25, sẽ tạo điều kiện tốt cho Tập đoàn trong việc tiếp cận người tiêu dùng Việt Nam và phát triển rộng khắp Hàn Quốc. Ngoài ra còn có Central Retail - Tập đoàn lâu đời tại Thái Lan đã có mặt tại thị trường Việt Nam với chiến lược thay đổi tập trung ở mảng shopping mall. Từ những ký kết chiến lược cùng những hoạch định đã được đặt ra từ đầu sẽ tạo đà để chúng ta tiếp tục phát triển, nhân rộng thương hiệu Chuk Chuk rộng khắp Việt Nam và vươn ra thị trường Châu Á.

Ngày 19/10/2021, Tập đoàn đã tung ra thị trường những sản phẩm bánh tươi mang thương hiệu KIDO's Bakery lấy cảm hứng từ những chiếc bánh thơm ngon hấp dẫn ở những cửa tiệm bánh tươi, đánh dấu sự trở lại sau 6 năm vắng bóng trên thị trường bánh kẹo. Lần trở lại đầy ngoạn mục này của KIDO đã mang đến cho người tiêu dùng sự trải nghiệm sản phẩm một cách mới mẻ, độc đáo và khác biệt, hướng tới nhóm khách hàng cao cấp, sành điệu với phong cách "Thưởng Thức Thời Thượng". Trong năm 2022, danh mục sản phẩm của mảng bánh kẹo sẽ được mở rộng nhằm phục vụ nhu cầu thưởng thức cao của người tiêu dùng.

Bên cạnh những hoạt động nổi bật trên, Tập đoàn KIDO cũng đã kết hợp cùng Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk) thành lập nên Liên doanh nước giải khát Vibev và chính thức tung ra thị trường 02 sản phẩm Nước giải khát tươi thuộc Oh Fresh là sữa bắp tươi và sữa đậu xanh tươi, bước đầu đã nhận được nhiều đánh giá tích cực từ phía người tiêu dùng cả nước. Ngoài ra, Tập đoàn đã và đang lên kế hoạch thâm nhập vào ngành gia vị, nước chấm, ngành F&B, ăn vặt (snacking), Trung thu, Bánh tươi, quà biếu, ... nhằm đẩy mạnh quá trình mở rộng danh mục sản phẩm trong lĩnh vực Thực phẩm thiết yếu.

Việc tung ra thị trường hàng loạt các sản phẩm/ ngành hàng mới nêu trên trong giai đoạn cao điểm cuối năm đã tạo tiền đề cho kết quả hoạt động kinh doanh vào 3 tháng cuối năm 2021 của Tập đoàn tăng trưởng một cách ngoạn mục và giúp cho KIDO nhanh chóng đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cao. Cụ thể, Doanh thu thuần Quý 04 năm 2021 của KIDO đạt 3.057 tỷ đồng tăng 30,5% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế Quý 04 năm 2021 tăng 154% so với cùng kỳ và đạt mức 200 tỷ đồng.

Thưa Quý cổ đông,

Đại dịch Covid-19 sẽ vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp cùng với sự phát sinh của nhiều biến chủng mới. Vì vậy, nền kinh tế được dự đoán vẫn sẽ còn nhiều khó khăn trong thời gian tới. Tuy nhiên, với việc tiêm vaccine đại trà và sự miễn dịch cộng đồng, kết hợp với những biện pháp mà Chính phủ đã và đang triển khai để điều tiết kinh tế, duy trì ổn định lãi suất, tỷ giá, Tập đoàn KIDO tin tưởng rằng: Chúng tôi có nền tảng phát triển bền vững; chúng tôi đang phát triển các ngành hàng có dư địa tăng trưởng ổn định; chúng tôi đang hoạt động kinh doanh để mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, mang lại giá trị dài hạn cho Cổ đông và chúng tôi sẽ **"Bứt phá dẫn đầu"**, hướng đến hoàn thành mục tiêu doanh thu thuần 14.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 900 tỷ đồng trong năm 2022.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông đã luôn giữ vững niềm tin, ủng hộ và đồng hành cùng KIDO trong suốt những năm qua. Đặc biệt là Quý khách hàng, các đối tác kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết đã luôn vì sự phát triển bền vững Tập đoàn. Chính sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị sẽ tiếp tục là nguồn sức mạnh to lớn giúp chúng tôi hoàn thành chiến lược cũng như kế hoạch đề ra.

TRẦN LỆ NGUYÊN
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

CHỈ SỐ | ĐVT: TRIỆU ĐỒNG	2019A	2020A	2021A
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
► Tài sản ngắn hạn	4.912.949	5.477.497	7.013.592
► Tài sản dài hạn	7.019.205	6.871.658	7.059.113
► Nợ ngắn hạn	2.684.940	3.805.345	5.397.243
► Nợ dài hạn	1.091.562	844.423	1.780.820
► Vốn chủ sở hữu	8.155.652	7.699.387	6.894.643
Tổng tài sản	**11.932.154**	**12.349.155**	**14.072.706**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
► Doanh thu thuần	7.209.947	8.323.616	10.496.864
► Lợi nhuận gộp	1.630.872	1.764.988	2.051.015
► Lợi nhuận trong liên doanh liên kết	239.873	171.986	110.471
► Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	258.052	407.904	688.520
► Lợi nhuận trước thuế	283.314	416.077	687.829
► Lợi nhuận sau thuế	207.258	330.238	653.291
KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH			
► Khả năng thanh toán nhanh	1,49	1,12	0,84
► Khả năng thanh toán hiện tại	1,83	1,44	1,30
► Tổng nợ / Vốn CSH	46%	60%	104%
► Tổng nợ / Tổng Tài sản	32%	38%	51%
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG			
► Vòng quay Hàng tồn kho (lần)	6,14	5,41	3,39
► Vòng quay Khoản Phải thu (lần)	2,65	3,58	4,02
► Vòng quay Tổng tài sản (lần)	0,60	0,67	0,75
KHẢ NĂNG SINH LỜI			
► Biên Lợi nhuận gộp	22,6%	21,2%	19,5%
► Biên Lợi nhuận từ HĐ Kinh doanh	3,6%	4,9%	6,6%
► Biên Lợi nhuận sau thuế	2,9%	4,0%	6,2%
► ROE	2,5%	4,3%	9,5%
► ROA	1,7%	2,7%	4,7%

Với sự tăng trưởng ấn tượng trong những năm qua, KIDO Group là một trong 124 công ty được vinh danh "Thương hiệu Quốc gia". Các sản phẩm được vinh danh gồm dầu ăn Tường An CookingOil, dầu ăn Season Tường An, kem Celano, kem Merino. Hơn 28 năm của chặng đường phát triển, KDC đã mở rộng ra ngoài lĩnh vực bánh kẹo bao gồm kem, sữa chua, dầu ăn, món tráng miệng và nước giải khát.

Hiện nay, Tập đoàn KIDO nằm trong top dẫn đầu ngành hàng kem (chiếm 43,5% thị phần) và dầu ăn (trên 39% thị phần) tại Việt Nam. KIDO Group vẫn duy trì vị thế là một trong những Tập đoàn Thực phẩm uy tín và vững mạnh tại Việt Nam.

Tổng tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

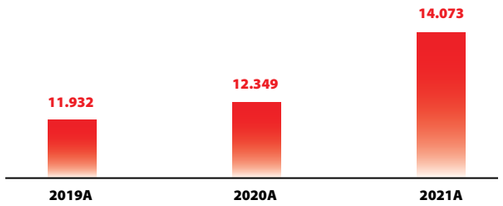

Doanh thu thuần

ĐVT: Tỷ đồng

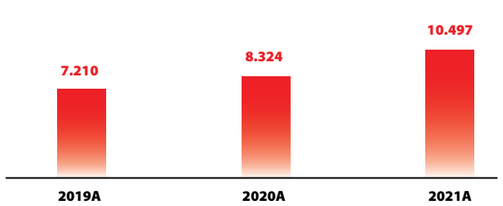

Lợi nhuận từ HĐKD

ĐVT: Tỷ đồng

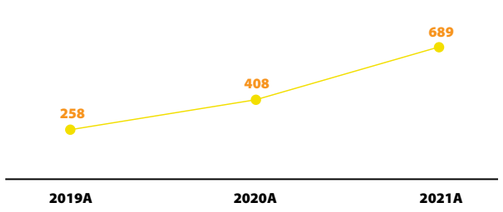

Lợi nhuận sau thuế

ĐVT: Tỷ đồng

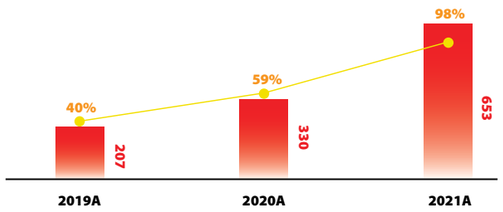

ROE

ĐVT: Phần trăm

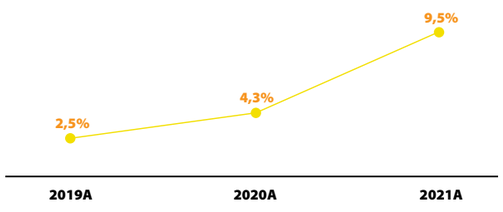

ROA

ĐVT: Phần trăm

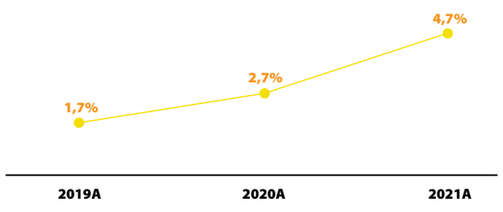

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

DOANH THU THUẦN

Năm 2021, doanh thu thuần hợp nhất đạt 10.497 tỷ đồng, hoàn thành 91,3% kế hoạch, tăng 26,1% so với năm 2020 chủ yếu là do tăng trưởng doanh thu của ngành dầu ăn và sự đóng góp doanh thu của mảng bánh tươi đến từ thương hiệu mới KIDO's Bakery. Doanh thu thuần từ ngành dầu ăn chiếm 85% doanh thu thuần toàn Tập đoàn và ngành hàng thực phẩm chiếm 15%.

Ngành dầu ăn 2016 - 2021A

ĐVT: Phần trăm

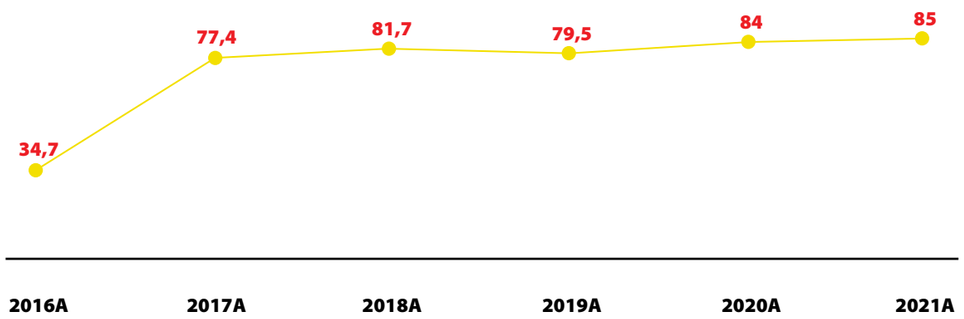

Ngành hàng thực phẩm 2016A - 2021A

ĐVT: Phần trăm

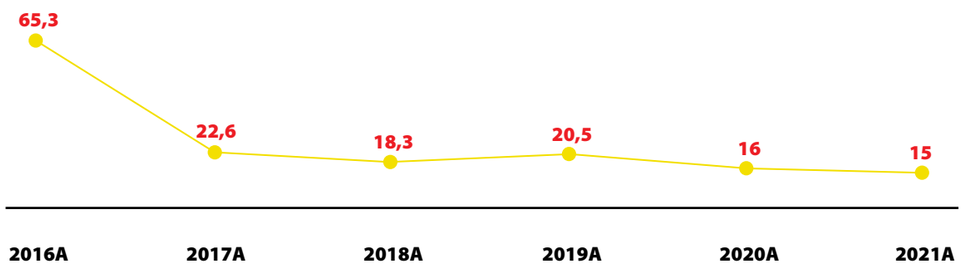

LỢI NHUẬN GỘP

2.051 TỶ ĐỒNG

▲ 16,2% so với năm 2020

Lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 2.051 tỷ đồng tăng 16,2% so với năm 2020, cho thấy Tập Đoàn đạt hiệu quả cao trong điều hành sản xuất và kiểm soát chi phí. Bên cạnh đó, Tập đoàn tiếp tục tối ưu hóa chi phí trong sản xuất ở các nhà máy để giảm chi phí sản xuất chung vào mùa thấp điểm, từ đó cải thiện mức lợi nhuận gộp chung.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1.197 TỶ ĐỒNG

CHI PHÍ BÁN HÀNG

▲ 14,6% so với năm 2020

Trong năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 nhưng Tập đoàn đã linh hoạt thay đổi cách thức bán hàng phù hợp để tăng khả năng tiêu thụ khi thực hiện giãn cách xã hội. Theo đó, chi phí bán hàng năm 2021 đạt 1.197 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2020. Trong đó: Chi phí bán hàng từ ngành dầu ăn tăng 38,4% so với năm 2020.

243 TỶ ĐỒNG

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

▼ 42,5% so với năm 2020

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 243 tỷ đồng, giảm 42,5% so với năm 2020. Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp từ ngành dầu ăn giảm 9% so với năm 2020.

Điều này thể hiện các hoạt động kiểm soát chi phí của chúng tôi trong các ngành hàng đều được kiểm soát gắt gao và tối ưu hóa cao.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (EBT) VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ (EAT)

688 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
▲ 65,3% so với năm 2020

653 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
▲ 97,8% so với năm 2020

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 688 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch đề ra của cả năm, tăng 65,3% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 653 tỷ đồng tăng mạnh 97,8% so với năm 2020.

Với nền tảng phát triển bền vững kết hợp với việc linh hoạt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn, KIDO đã phát huy tối đa các thế mạnh bên trong và bên ngoài, đem lại nhiều thành quả trong hoạt động kinh doanh. Được sự ủng hộ tin tưởng của người tiêu dùng, KIDO đang đi theo đúng lộ trình trong quá trình thực hiện đa dạng hoá giỏ sản phẩm của khách hàng trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu theo định hướng Tập đoàn.

CƠ CẤU VỐN

6.895 TỶ ĐỒNG

TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Với thế mạnh về nguồn lực tài chính, chúng tôi luôn tận dụng, tìm kiếm các cơ hội đầu tư thông qua mua bán sáp nhập nhằm mở rộng hệ thống phân phối và đẩy mạnh kênh bán lẻ để tối ưu hóa hiệu quả nguồn vốn và đóng góp vào sự phát triển của Tập đoàn. Ngày từ đầu năm 2021, chúng tôi đã phát hành thành công Trái phiếu riêng lẻ để tăng nguồn lực tài chính tập trung vào sản xuất kinh doanh và mở rộng nhiều ngành hàng có tiềm năng tăng trưởng. Theo đó, tỷ lệ Tổng nợ/Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 cũng tăng lên tương ứng và nằm ở mức 0,51 lần.

Tổng vốn chủ sở hữu năm 2021 đạt 6.895 tỷ đồng, giảm 805 tỷ đồng so với năm 2020 chủ yếu do thực hiện chi trả cổ tức 2020, chi thưởng bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu cho các cổ đông của chúng tôi.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

2.708 TỶ ĐỒNG

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
▼ 24 tỷ đồng so với năm 2020

Tính đến ngày 31/12/2021, tài sản cố định của chúng tôi đạt 2.708 tỷ đồng, giảm 24 tỷ đồng so với năm 2020 do yếu tố khấu hao và yếu tố hình thành tài sản cố định từ chi phí sản xuất dở dang.

CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

CHIẾN LƯỢC ĐỊNH HƯỚNG

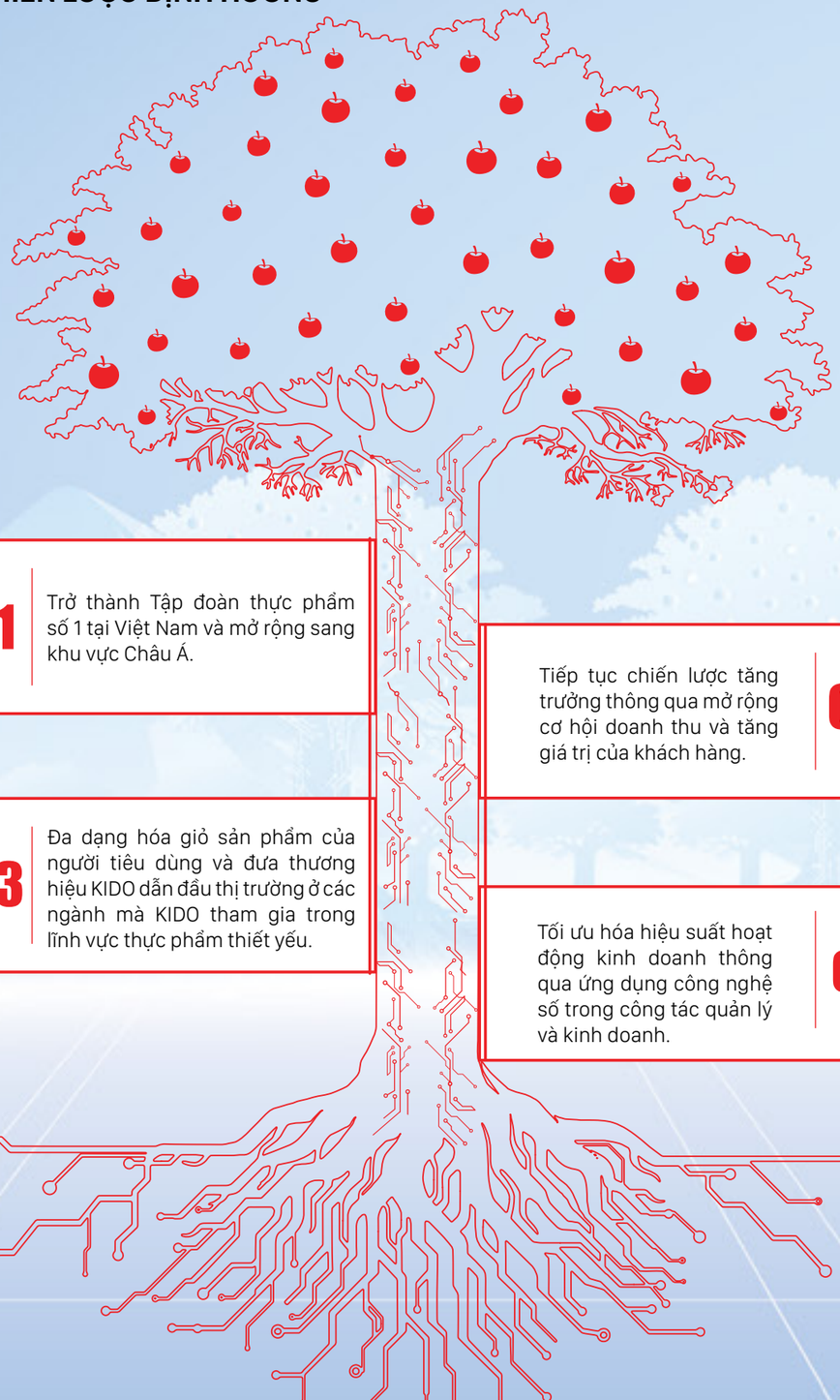

01 Trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam và mở rộng sang khu vực Châu Á.

02 Tiếp tục chiến lược tăng trưởng thông qua mở rộng cơ hội doanh thu và tăng giá trị của khách hàng.

03 Đa dạng hóa giỏ sản phẩm của người tiêu dùng và đưa thương hiệu KIDO dẫn đầu thị trường ở các ngành mà KIDO tham gia trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu.

04 Tối ưu hóa hiệu suất hoạt động kinh doanh thông qua ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý và kinh doanh.

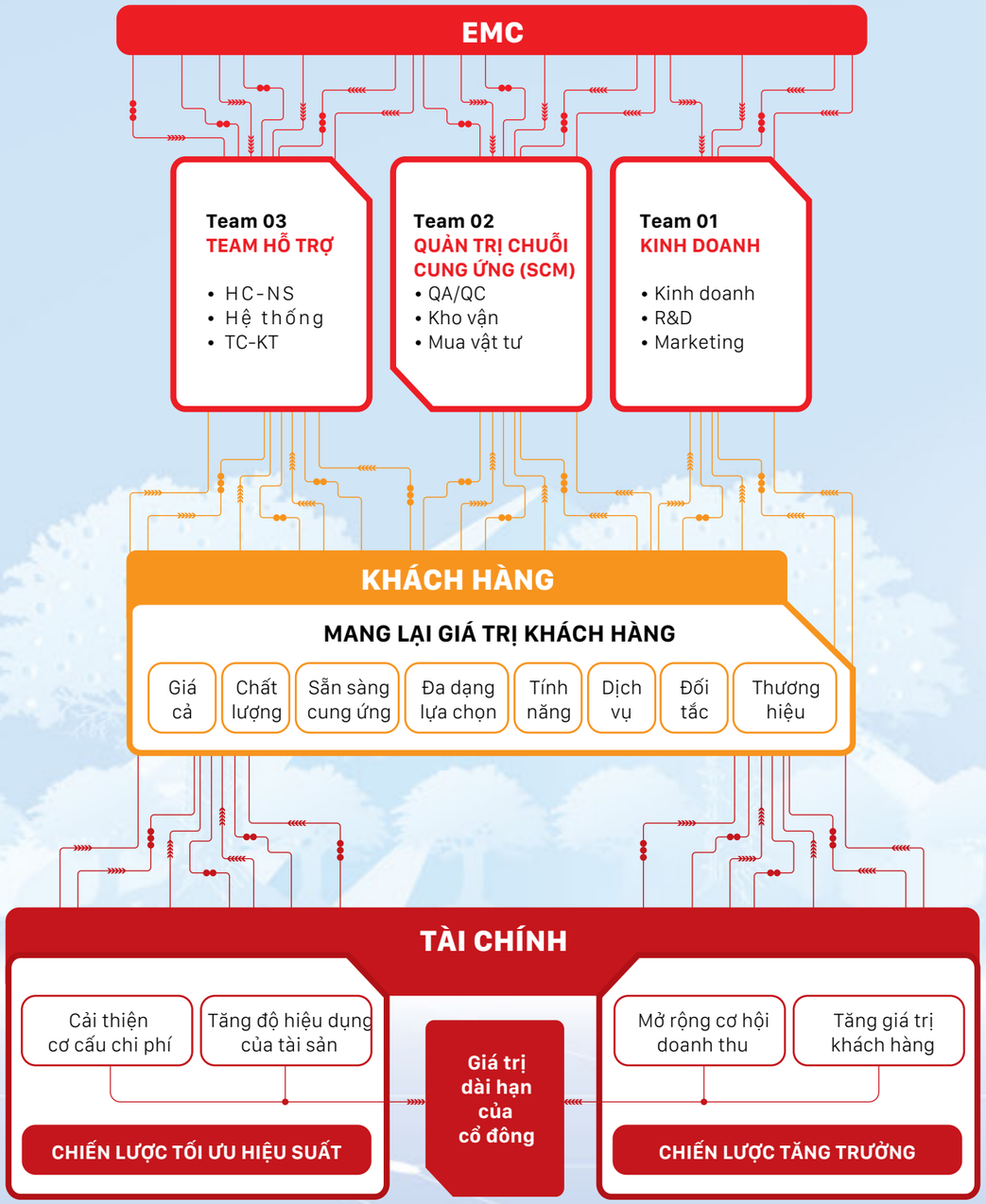

CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Các giải pháp và từng chiến lược thực thi của các ngành hàng được Ban Lãnh đạo định hướng rõ ràng:

ĐỐI VỚI NGÀNH DẦU

- Tối ưu hóa hiệu quả chuỗi cung ứng sản phẩm và nguyên liệu.
- Chủ động dẫn dắt và phát triển đa dạng hóa danh mục sản phẩm.
- Tăng cường các hoạt động xây dựng thương hiệu.
- Tiếp tục mở rộng kênh phân phối và đẩy mạnh mở rộng thị phần để trở thành đơn vị đứng đầu ngành.
- Mở rộng một số ngành hàng dựa trên nền tảng cốt lõi.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn Tập đoàn.

ĐỐI VỚI NGÀNH KEM

- Tiếp tục mở rộng thị trường và đa dạng hóa kênh phân phối.
- Phát triển sản phẩm theo xu hướng của giới trẻ.
- Chú trọng thực hiện các hoạt động kích hoạt thương hiệu phù hợp với tình hình mới.
- Đẩy mạnh sản phẩm ở phân khúc cao cấp và mở rộng đối tượng tiêu dùng.

ĐỐI VỚI NGÀNH SNACKING

- Đẩy mạnh sản phẩm trong thời gian ngắn nhất.
- Mở rộng danh mục sản phẩm snacking thông qua hợp tác liên doanh với nước ngoài.
- Tăng cường các hoạt động R&D tạo sản phẩm mang tính đột phá và khác biệt.
- Dựa trên nền tảng phân phối của ngành dầu, mở rộng độ phủ các sản phẩm snacking.

ĐỐI VỚI NGÀNH F&B

CHUỖI BÁN LẺ:

- Hướng đến nhóm khách hàng trẻ và năng động.
- Phát triển mô hình bán lẻ linh hoạt dưới nhiều hình thức khác nhau cho cả gia đình và nhiều đối tượng tiêu dùng.
- Tích hợp bán hàng online và offline trên một điểm bán lẻ.
- Chú trọng trải nghiệm thông qua sản phẩm dịch vụ và giá trị cộng thêm cho nhiều đối tượng, nhiều nhu cầu tiêu dùng khác nhau.

ĐỒ UỐNG:

- Liên doanh với Vinamilk thâm nhập ngành nước giải khát.
- Chú trọng sản phẩm có lợi cho sức khỏe.
- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị và phân phối.

Theo báo cáo nghiên cứu của Euromonitor, tiềm năng tăng trưởng của các ngành hàng mà tập đoàn Kido đang phát triển tạo nên sự khác biệt với dư địa tăng trưởng doanh thu bình quân 2020-2025 đạt mức tăng trưởng ổn định.

CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Với nội lực mạnh và nền tảng phát triển bền vững, Tập đoàn sẽ nâng cấp thương hiệu và đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh trên thị trường, tiến tới vị trí hàng đầu trong các ngành hàng.

- **6%** NƯỚC UỐNG
- **6,4%** THỰC PHẨM DÙNG HÀNG NGÀY
- **8%** KEM VÀ SỮA CHUA
- **8,8%** DẦU ĂN

Tiềm năng tăng trưởng các ngành hàng tại KDC

KIDO TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM HÀNG ĐẦU

Sức mạnh nội tại của KDC

- Hiệu quả trong các hoạt động TÁI CẤU TRÚC toàn Tập đoàn
- ĐI ĐÚNG CHIẾN LƯỢC Thị Trường và Sản Phẩm
- NĂNG LỰC QUẢN TRỊ và QUẢN LÝ

Chiến lược thực thi của KDC

- Ngành Dầu ăn
- Ngành hàng Kem
- Ngành Snacking
- Ngành F&B
- Chuỗi bán lẻ

CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

01 **Sản phẩm (Product):** Là danh mục các sản phẩm và phạm vi sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp ra thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

PRODUCT

TIẾP THỊ

HỖN HỢP

PLACE

Địa điểm (Place): Tập đoàn luôn chú ý đến cách khách hàng mua sản phẩm và nơi khách hàng sẽ nhận được các sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp để phục vụ và chăm sóc tốt cho khách hàng. **02**

03 **Giá (Price):** Khách hàng mong muốn nhận được sản phẩm có giá trị tương ứng với chi phí bỏ ra. Tập đoàn luôn nghiên cứu và mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm tốt cho sức khỏe với giá thành hợp lý, đồng thời mang lại lợi nhuận cho Tập đoàn.

PRICE

Khuyến mãi (Promotion): Khách hàng vừa hài lòng với giá trị sản phẩm với giá thành tốt vừa nhận được nhiều ưu đãi. Đây là cách mà Tập đoàn tri ân khách hàng và quảng bá với khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Tập đoàn. **04**

PROMOTION

CHIẾN LƯỢC MARKETING VÀ TRUYỀN THÔNG

Linh hoạt kết hợp giữa truyền thống và công nghệ trong công tác marketing và truyền thông: Ưu tiên thực hiện Marketing trực tiếp nhằm tiết kiệm chi phí ngoài cho quảng bá sản phẩm; đem lại giá trị cho Người Tiêu Dùng với giá thành thấp hơn và lợi ích được chia sẻ nhiều hơn cho Nhà phân phối và hệ thống các điểm bán truyền thống (GT), hiện đại (MT), Ứng dụng công nghệ số thúc đẩy kênh bán hàng trực tuyến, kênh Thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Sendo, Tiki,...).

ÁP DỤNG CHIẾN LƯỢC 4P:

Product - Price - Place - Promotion trong Marketing

CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU

CÁC SẢN PHẨM VÀ THƯƠNG HIỆU TRỰC THUỘC TẬP ĐOÀN

KIDO GROUP

chuk·chuk ICE CREAM · COFFEE · TEA

NGÀNH HÀNG	THỰC PHẨM THIẾT YẾU	THỰC PHẨM ĂN VẶT	BÁNH TƯƠI	QUÀ BIẾU LỄ HỘI	GIẢI KHÁT	TP ĐÔNG LẠNH	CHUỖI F&B
SẢN PHẨM	DẦU ĂN NƯỚC CHẤM GIA VỊ MỲ GÓI	BÁNH KẸO ĐỒ ĂN NHẸ MÌ GÓI ĂN VẶT	BÁNH MÌ TƯƠI BÁNH BÔNG LAN TƯƠI BÁNH NGỌT TƯƠI	BÁNH TRUNG THU QUÀ BIẾU TẾT QUÀ BIẾU LỄ HỘI	CÀ PHÊ TRÀ KOMBUCHA NƯỚC TRÁI CÂY	KEM YOGURT THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH	TRÀ TRÁI CÂY/ TRÀ SỮA CÀ PHÊ KEM
THƯƠNG HIỆU	Tường An Tường An	KIDO's	KIDO's BAKERY	KIDO's BAKERY	KIDO's	Celano Merino	

CHIẾN LƯỢC KHÁCH HÀNG

Toàn bộ người tiêu dùng tại Việt Nam ở mọi độ tuổi (từ trẻ em đến người lớn tuổi trong các hộ gia đình) đều tin dùng và lựa chọn sản phẩm của KIDO.

HƯỚNG TỚI PHỤC VỤ 26,9 TRIỆU HỘ GIA ĐÌNH

85% NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM CÓ ÍT NHẤT MỘT SẢN PHẨM CỦA KIDO

7,7% ĐỘ TUỔI DƯỚI 15

24,3% ĐỘ TUỔI 65 TRỞ LÊN

TRẺ EM | THIẾU NIÊN | THANH NIÊN | NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH | NGƯỜI LỚN TUỔI | GIA ĐÌNH

68% ĐỘ TUỔI 15 ĐẾN 64

THANH THIẾU NIÊN

PHỤ NỮ NỘI TRỢ

MÔ HÌNH KINH DOANH

NỀN TẢNG

DẦU VÀ CHẤT BÉO
VOCARIMEX | TƯỜNG AN | KIDO NHÀ BÈ

NGUYÊN LIỆU | VẬN CHUYỂN | CHẾ BIẾN

KEM & THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH
KIDO FOODS

NGUYÊN LIỆU | CHẾ BIẾN | ĐÓNG GÓI

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN
DABACO FOODS

THỊT ĐÃ CHẾ BIẾN | THỊT NGUỘI | PA TÊ | CHẢ LỤA

SẢN PHẨM
VIBEV

THỨC UỐNG

SẢN PHẨM
F&B

KEM | CAFE | TRÀ TRÁI CÂY | TRÀ SỮA | BÁNH TƯƠI

SẢN PHẨM
OEM

CHẾ BIẾN

ĐỐI TÁC

ĐƯỜNG | GIA VỊ | NƯỚC UỐNG | MỲ GÓI

GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

QUẢN TRỊ

TÀI CHÍNH

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

PHÂN PHỐI

TIẾP THỊ VÀ THƯƠNG HIỆU

KHO VẬN

CÔNG NGHỆ

KÊNH

KÊNH THỰC PHẨM KHÔ

KÊNH THỰC PHẨM NGÀNH LẠNH

KÊNH XUẤT NHẬP KHẨU

KÊNH B2B KEY ACCOUNT

KÊNH MÙA VỤ

THỊ TRƯỜNG

450.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH HÀNG KHÔ

120.000 ĐIỂM BÁN NGÀNH LẠNH VÀ NGÀNH THỰC PHẨM TƯƠI

XUẤT KHẨU

NGƯỜI TIÊU DÙNG

QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

MÔ HÌNH CÔNG NGHỆ SỐ HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG

Là một doanh nghiệp thành lập từ năm 1993, xuyên suốt hành trình 28 năm qua, chúng tôi luôn chú trọng ứng dụng công nghệ số để luôn dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh của mình tại thị trường Việt Nam. Quá trình chuyển đổi không ngừng nghỉ của KIDO khởi đầu khi chúng tôi ứng dụng hệ thống DMS để nâng cao hiệu quả kênh phân phối, đưa sản phẩm của công ty đến hệ thống các Nhà phân phối của chúng tôi một cách nhanh chóng, chính xác. Thành công của việc ứng dụng công nghệ số trong giai đoạn đầu tiên đã khẳng định được tính đúng đắn của chiến lược áp dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của chúng tôi.

Lấy nhu cầu của khách hàng làm trọng tâm, chúng tôi đã triển khai ứng dụng công nghệ số để đưa sản phẩm từ hệ thống các Nhà phân phối của chúng tôi đến điểm bán lẻ trên toàn quốc. Với 450.000 điểm bán trải dài khắp cả nước, KIDO Shop giúp chúng tôi đưa sản phẩm đến điểm bán một cách nhanh chóng với sản phẩm phù hợp với đặc trưng của từng khu vực, giúp chúng tôi kiểm tra được lượng hàng hóa tiêu thụ tại điểm bán, sản phẩm được ưa chuộng, tình trạng tài sản của chúng tôi tại điểm bán, đảm bảo sự hiện diện của sản phẩm tại điểm bán dựa trên định vị của phần mềm công nghệ số, hiện đại hóa quy trình làm việc mang lại hiệu quả kinh doanh lẫn sự tiện lợi của khách hàng, hướng đến phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người tiêu dùng tại nhiều thời điểm khác nhau trong ngày.

Cũng dựa trên nền tảng công nghệ số, chúng tôi cũng đã triển khai KIDO Shop và E-commerce để hàng hóa từ Nhà phân phối đến tay người tiêu dùng và từ công ty đến người tiêu dùng một cách trực tiếp.

Đây là xu hướng tất yếu của công nghệ số 4.0 hiện nay. Chúng tôi đảm bảo tính ổn định của nền tảng số hóa bằng việc đầu tư có trọng tâm vào cấu trúc hệ thống linh hoạt, dễ dàng sử dụng, gây ấn tượng để phục vụ cho mọi đối tượng khách hàng bởi tính tiện lợi.

Bên cạnh đó, chúng tôi thiết lập hệ thống IT, tuyển dụng nhân tài, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và triển khai các khóa đào tạo, để đảm bảo rằng các đối tượng khách hàng của chúng tôi từ Nhà phân phối, điểm bán lẻ, người tiêu dùng được sử dụng một hệ thống an toàn, ổn định và đảm bảo quyền bảo mật thông tin một cách tốt nhất.

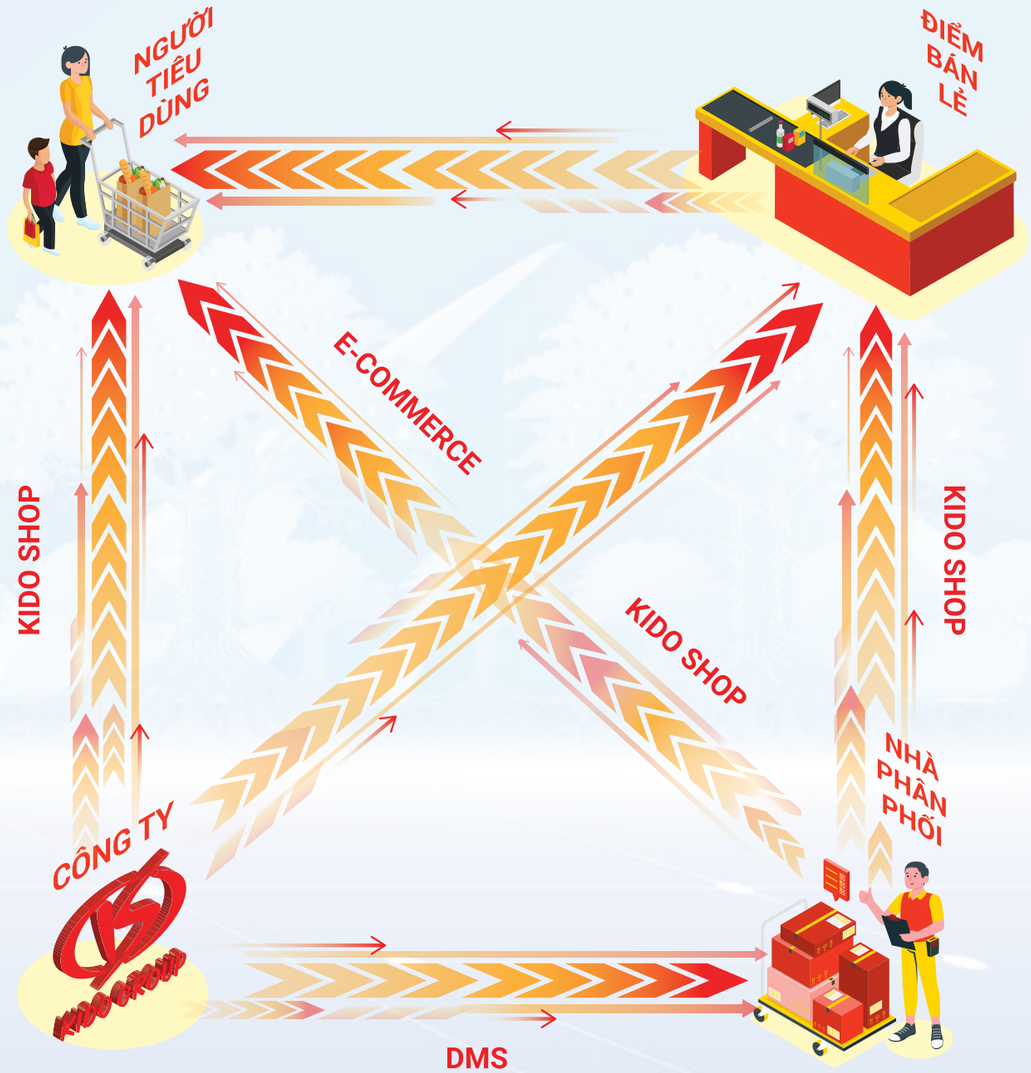

QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (tiếp theo)

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ SỐ

1. SỐ HOÁ TOÀN BỘ QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
2. KHAI THÁC DỮ LIỆU LỚN ĐỂ PHÂN TÍCH VÀ DỰ ĐOÁN THỊ TRƯỜNG
3. DÙNG AI ĐỂ PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO TỒN KHO TỚI TỪNG NHÀ CUNG CẤP, ĐIỂM BÁN
4. DÙNG CÔNG NGHỆ SỐ ĐỂ GIAO TIẾP TRỰC TIẾP VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ TỐI ƯU HOÁ TRẢI NGHIỆM CỦA HỌ, CUNG CẤP SẢN PHẨM THEO KỲ VỌNG CỦA KHÁCH HÀNG
5. KHAI THÁC THỊ TRƯỜNG MỚI DỰA TRÊN NHỮNG KHẢ NĂNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ (THỐNG NHẤT VẬN HÀNH THÔNG QUA FLATFORM)

LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Áp dụng: HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

1 2020-2021

Chuẩn bị cơ sở hạ tầng như: (1) Chuẩn hóa thiết bị đầu/cuối của người dùng thuộc khối Văn phòng; (2) Nâng cấp máy tính, nâng cấp core network system giúp bảo mật và truyền tải nhanh dữ liệu; (3) Chuẩn hóa quy trình chuyển từ giấy sang số hóa văn bản.

2 2021-2022

Xây dựng Data Business Warehouse, khai thác dữ liệu để phân tích và dự đoán thị trường. Kiểm soát công việc thông qua tính hiệu quả từ action plans.

3 2023-2025

Dùng AI phân tích dự báo tồn kho tới từng nhà cung cấp, từng điểm bán. Ứng dụng công nghệ giao tiếp trực tiếp với người tiêu dùng, tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng.

4 2023-2025

Khai thác thị trường mới trong khả năng của công nghệ số, phát triển kênh E-Commerce.

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

NÂNG TẦM VỊ THẾ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

> KIDO LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA NHỮNG ĐỐI TÁC LÊN HÀNG ĐẦU, BAO GỒM KHÁCH HÀNG, CÁC NHÀ CUNG CẤP, NHÀ PHÂN PHỐI, ĐIỂM BÁN LẺ, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.

NỀN TẢNG CHÍNH SÁCH

Chúng tôi hiểu rằng mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều có mối liên kết với nhau về lợi ích, do vậy cần phải thống nhất trong định hướng và truyền thông để đảm bảo mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều hiểu rõ về chiến lược của Tập đoàn và của từng công ty thành viên.

KIDO đảm bảo hoạt động kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo của chúng tôi không những đáp ứng được các kỳ vọng của các nhóm đối tượng khách hàng có lợi ích liên quan, mà còn giúp chúng tôi thích ứng được với những biến đổi của môi trường kinh doanh. Do đó, việc tăng cường cơ cấu quản trị doanh nghiệp sẽ được ưu tiên giúp KIDO gia tăng năng lực quản lý. Bên cạnh đó, việc tập trung tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp cũng sẽ giúp chúng tôi xây dựng được niềm tin, sự minh bạch với các đối tác và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ CẤU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn đã trải qua một quá trình chuyển đổi lớn trong những năm vừa qua. Trong suốt quá trình đó, mục tiêu của chúng tôi là tạo ra nền tảng vững chắc cho hệ thống và quy trình nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận. Đặc biệt chú trọng vào việc đơn giản hóa cấu trúc doanh nghiệp để tăng tính minh bạch cũng như hiệu quả trong tất cả các hoạt động.

Cấu trúc Ban Điều hành - EMC theo hình thức "ma trận" tại mỗi công ty thành viên, điều này sẽ tăng cường khả năng truyền đạt thông tin trong Tập đoàn và giúp đưa ra các quyết định được nhanh chóng và kịp thời. Được xây dựng dựa trên sự minh bạch giữa các chức năng và trong cả Tập đoàn, cấu trúc chức năng "ma trận" hiệu quả tạo thuận lợi trong quá trình thảo luận và ra các quyết định.

Chúng tôi cũng đã sử dụng mô hình Đơn vị Kinh doanh Chiến lược để quản lý các hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn KIDO và các công ty thành viên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Tập đoàn KIDO có 9 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập. Các thành viên độc lập được lựa chọn từ hàng ngàn ứng viên dựa trên năng lực, kinh nghiệm và bằng cấp chuyên môn.

CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

HĐQT có trách nhiệm lớn nhất trong quản lý vận hành kinh doanh của Công ty và giám sát hoạt động của Công ty vì lợi ích cao nhất của cổ đông, bao gồm việc quản lý các công ty con phù hợp với kế hoạch kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn nhằm đảm bảo tuân thủ với quy định pháp luật cũng như các mục tiêu kinh doanh của KIDO.

HĐQT giám sát việc quản lý thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo quý.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành: Ban Điều hành tuân thủ quy chế, các chế độ báo cáo, triển khai các nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ xuống các phòng ban; công việc của công ty thực hiện nghiêm túc, đúng yêu cầu.

Thù lao HĐQT và BKS được chi trả tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Trong năm công ty không có thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

QUẢN TRỊ RỦI RO

”

CÁC YẾU TỐ RỦI RO ĐƯỢC PHÂN LOẠI THÔNG QUA HỆ THỐNG CHẤM ĐIỂM TỪ MỨC “KHÔNG CHẮC CHẮN” ĐẾN “CÓ NGUY CƠ XẢY RA”. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN ĐƯỢC TÍNH TOÁN VÀ XẾP HẠNG TỪ “KHÔNG ĐÁNG KỂ” ĐẾN “NGHIÊM TRỌNG”. NẾU MỘT YẾU TỐ RỦI RO TIỀM ẨN ĐƯỢC XẾP HẠNG “CÓ THỂ XẢY RA” VÀ CÓ MỨC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LÀ “NGHIÊM TRỌNG”, NÓ SẼ ĐƯỢC BÁO CÁO NGAY CHO ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ CÙNG LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ.

CÁC CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH NÀY ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ THÔNG BÁO RỘNG RÃI TRÊN MẠNG NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN. ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ SẼ THEO SÁT NHẰM KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN.

”

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hàng năm, các hệ thống giám sát và quản lý rủi ro đều được đánh giá lại bởi Ủy Ban Kiểm soát Nội bộ và những thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện. Sau quá trình đánh giá, những chính sách mới sẽ được thông qua và triển khai, đồng thời chu trình này lặp lại như trên nhằm đảm bảo rằng việc quản lý rủi ro là một quá trình chủ động. Điều này phù hợp với môi trường kinh tế năng động như Việt Nam.

Các yếu tố rủi ro được phân loại thông qua hệ thống chấm điểm từ mức “Không chắc chắn” đến “Có nguy cơ xảy ra”. Những tác động tiềm ẩn được tính toán và xếp hạng từ “Không đáng kể” đến “Nghiêm trọng”. Nếu một yếu tố rủi ro tiềm ẩn được xếp hạng “Có thể xảy ra” và có mức đánh giá tác động là “Nghiêm trọng”, nó sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban Quản lý Rủi ro để cùng làm việc với Ủy Ban Kiểm soát Nội bộ. Tập đoàn luôn hướng đến đưa ra các biện pháp theo dõi và giảm thiểu rủi ro.

Những chính sách, quy trình này sẽ được phổ biến cho Tập đoàn và các bộ phận để theo dõi tình hình và đảm bảo rằng bất kỳ biến động rủi ro nào cũng sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban.

Tập đoàn và các bộ phận liên tục đánh giá và xác định các rủi ro và cùng làm việc với Ủy ban Quản lý Rủi ro nhằm giám sát các rủi ro có thể xảy ra trong Tập đoàn như xác suất xảy ra và xác định những vấn đề cần được giải quyết.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro kinh tế vĩ mô, chính trị - xã hội và pháp luật

Sự suy thoái kinh tế và các vấn đề chính trị, xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến chi tiêu của người tiêu dùng. Tập đoàn theo dõi chặt chẽ những biến đổi trong môi trường kinh tế và chính trị - xã hội trong khu vực để dự đoán những thay đổi trong tâm lý người tiêu dùng và giá nguyên liệu thô. Bên cạnh đó, duy trì các chính sách thận trọng trong việc mua hàng, quản lý vốn lưu động và kiểm soát chi phí nhằm giảm thiểu sự biến động khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi.

Rủi ro từ nhu cầu tiêu dùng

Khả năng dự báo những thay đổi trong xu hướng và nhu cầu của tiêu dùng là yếu tố quan trọng mang lại thành công. Thất bại trong việc dự đoán xu hướng và nhu cầu sẽ tạo ra những rủi ro đáng kể cho Tập đoàn. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn sử dụng Quá trình Hình thành Giá trị nhằm chủ động quản lý các phản hồi từ người tiêu dùng, giảm thiểu rủi ro đến từ các thay đổi này. Ngoài ra, sức mạnh và sự gắn kết các mạng lưới cho phép chúng tôi tăng cường khả năng quản trị, giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai các sản phẩm mới.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ với điểm bán lẻ và nhà phân phối cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo mức độ tiếp cận sản phẩm, mức độ thâm nhập và tăng trưởng về mặt doanh thu.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU THÔ

Sự thay đổi giá nguyên liệu thô là một rủi ro đáng kể đối với lợi nhuận của chúng tôi. Với vị thế thị trường là một trong những nhà nhập khẩu dầu cọ và dầu nành lớn nhất Việt Nam, chúng tôi chịu nhiều áp lực trong việc chủ động dự báo trước các biến động thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý rủi ro này với các nhà cung cấp - là những nhà kinh doanh dầu ăn thô lớn nhất thế giới. Với kiến thức thị trường vững chắc của nhà cung cấp và sự am hiểu sâu sắc thị trường Việt Nam của chúng tôi, chúng tôi có thể gửi các nhà cung cấp một kế hoạch thu mua nguyên liệu rõ ràng và đảm bảo giá cố định trong một giai đoạn phù hợp để có sự ổn định trong chi phí sản xuất.

RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là kết quả trực tiếp từ sự chênh lệch nguồn trả bằng ngoại tệ cho nhập khẩu nguyên liệu đầu vào trong khi chúng tôi không có nguồn thu ngoại tệ tương ứng. Bằng khả năng có thể, chúng tôi đảm bảo phòng ngừa tất cả các hợp đồng nhập khẩu hàng bằng ngoại tệ bởi các hợp đồng tỷ giá kỳ hạn để cố định chi phí giá vốn hàng nhập khẩu của chúng tôi khi quy đổi sang VND. Chúng tôi cũng hạn chế các khoản vay ngoại tệ, và khi vay, chúng tôi đảm bảo đã phòng ngừa biến động tỷ giá và lãi suất.

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể có tác động đáng kể đến lãi suất, dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chủ động theo dõi kỳ hạn đáo nợ của các khoản vay để cân bằng dòng tiền hoạt động với các khoản chi trả

BÁO CÁO HỌP HĐQT & NGHỊ QUYẾT HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 14 buổi họp thường kỳ. Thông qua các buổi họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

CÁC CUỘC HỌP HĐQT VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT - HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	14	100%	
2	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	14	100%	
3	Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	14	100%	
4	Vương Ngọc Xiểm	Thành viên HĐQT	14	100%	
5	Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT	14	100%	
6	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên HĐQT	14	100%	
7	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT	14	100%	
8	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên HĐQT	14	100%	
9	Nguyễn Đức Trí	Thành viên HĐQT	14	100%	

Hằng tháng HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hiệu quả kinh doanh. Tại các cuộc họp HĐQT có sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc để Ban Tổng Giám đốc nắm bắt được chủ trương lãnh đạo của HĐQT, đồng thời Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh. Thông qua các buổi họp thường kỳ, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	KDC01/2021/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty CP Tập Đoàn KIDO.
2	KDC02/2021/NQ-HĐQT	05/02/2021	Quyết định thông qua việc thành lập Công ty liên doanh với Công ty CP Sữa Việt Nam.
3	KDC03/2021/NQ-HĐQT	04/03/2021	Nghị quyết thông báo triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 26/04/2021.
4	KDC04/2021/NQ-HĐQT	24/03/2021	Nghị quyết thông báo hủy ngày đăng ký cuối cùng và gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2021.
5	KDC05/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	Nghị quyết thông báo triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 22/06/2021.
6	KDC06/2021/NQ-HĐQT	07/06/2021	Nghị quyết thông qua việc đầu tư vào mảng bán lẻ theo chuỗi cửa hàng với Công ty CP Đầu tư Thương mại TTV.
7	KDC07/2021/NQ-HĐQT	15/06/2021	Nghị quyết thông qua chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty theo hình thức trực tuyến.
8	KDC08/2021/NQ-HĐQT	22/06/2021	Nghị quyết thông qua việc bầu cử thay thế Chủ tọa HĐQT tham dự trực tuyến vì lý do giãn cách xã hội.
9	KDC09/2021/NQ-HĐQT	05/07/2021	Nghị quyết thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Tập Đoàn KIDO năm tài chính 2021.
10	KDC10/2021/NQ-HĐQT	30/07/2021	Nghị quyết thông qua việc chi trả đợt 2 cổ tức KDC năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% và triệu tập ĐHĐCĐ Bất Thường 2021 thông qua việc chia thưởng 10% bằng cổ phiếu năm 2021 từ nguồn cổ phiếu quỹ của công ty.
11	KDC11/2021/NQ-HĐQT	20/09/2021	Nghị quyết thông qua việc bầu cử thay thế Chủ tọa: Ông Trần Lệ Nguyên - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn làm chủ tọa ĐHĐCĐ Bất thường 2021 theo hình thức trực tuyến.
12	KDC12/2021/NQ-HĐQT	14/10/2021	Nghị quyết thông qua việc triển khai phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10%.
13	KDC13/2021/NQ-HĐQT	18/11/2021	Nghị quyết thông qua việc chốt danh sách cổ đông vào ngày 01 tháng 12 năm 2021, mục đích thực hiện sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2021 với tỷ lệ 10%.
14	KDC14/2021/NQ-HĐQT	08/12/2021	Nghị quyết chấp thuận cho Công đoàn cơ sở Công ty mua 2.263 cổ phiếu lẻ phát sinh với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2021, công ty vẫn chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO HỌP HĐQT & NGHỊ QUYẾT HĐQT (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Điều hành và Cổ đông:

Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban Tổng Giám đốc Điều hành thực hiện.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc tham gia đầy đủ các cuộc họp với HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo CB-CNV Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí quản lý và duy trì, ổn định hoạt động SXKD.

Ban Kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Điều hành.

Hoạt động của Ban Kiểm soát luôn có sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban khác. Hoạt động của Ban Kiểm soát có tính độc lập và không gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mối quan hệ trong việc phối hợp làm việc giữa Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc là phù hợp với chuẩn mực, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kết luận công tác giám sát của Ban Kiểm soát

- Số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục đồng hành và giám sát các hoạt động của Công ty.

VỮNG BỀN GIÁ TRỊ

VỮNG TIN BỨT PHÁ

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

"

QUA 28 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, KIDO ĐÃ TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU UY TÍN TRONG LĨNH VỰC THỰC PHẨM THIẾT YẾU ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC TIN TƯỞNG, YÊU MẾN VÀ ỦNG HỘ. KIDO HIỂU RẰNG ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC THÀNH CÔNG ĐÓ, BÊN CẠNH VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH THÌ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG LÀ PHẢI XÂY DỰNG NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CỦA CÔNG TY TRONG LÒNG NGƯỜI TIÊU DÙNG CHÍNH LÀ SỰ YÊU MẾN, ỦNG HỘ CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN, SỰ TIN TƯỞNG VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG CŨNG NHƯ NHỮNG CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐẶC BIỆT LÀ NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TẬP ĐOÀN KIDO.

"

TRONG NĂM QUA KIDO ĐÃ HỖ TRỢ

3.500.000.000 VNĐ

CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI TP. HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT SỐ TỈNH THÀNH

Năm 2021 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam khi chứng kiến hàng chục nghìn doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, hàng triệu người lao động rơi vào tình trạng thất nghiệp khiến khó khăn lại thêm chồng chất khó khăn. Với tinh thần tương thân tương ái cùng phương châm "Doanh nghiệp phải gắn liền với trách nhiệm xã hội", trong năm qua, Tập đoàn KIDO đã liên tiếp triển khai và đồng hành cùng các cơ quan, chính quyền thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện với tổng giá trị trao đi đến thời điểm hiện tại lên đến hơn 3.500.000.000VNĐ.

Trong đó, vào ngày 5/8/2021, Tập đoàn KIDO đã ủng hộ 1.532 chai dầu ăn tương đương 582.000.000VNĐ cho chương trình "Hỗ trợ khẩn cấp người dân có hoàn cảnh khó khăn tại TP. Hồ Chí Minh" do Hiệp hội các doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh (HUBA) phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

Tập đoàn tiếp tục ủng hộ 892 thùng dầu ăn Olita, tương đương 300.000.000VNĐ cho chương trình Siêu thị Mini 0 đồng do Sở Công thương TP. Hồ Chí Minh, Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao, Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên Công nhân TP. Hồ Chí Minh (YEAC), Hội nữ doanh nhân TP. Hồ Chí Minh (Hawee) và Công ty vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) phối hợp tổ chức. Đây là mô hình đầy nhân văn giữa lúc người dân cả nước nói riêng và TP. Hồ Chí Minh nói chung đang phải lao đao khi mọi thứ dường như bị ngừng trệ vì đại dịch cũng như lệnh giãn cách xã hội từ Chính phủ, tác động đến nhiều hộ gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn.

Nhận được sự kêu gọi từ người dân tỉnh Bình Dương - Nơi có đợt dịch bùng phát mạnh vào giữa tháng 6,7, Tập đoàn đã nhanh chóng gửi tặng đến người dân trong các khu vực cách ly y tế, phong tỏa trên địa bàn tỉnh Bình Dương những phần nhu yếu phẩm thiết yếu là 7.000 chai dầu ăn Olita và 7.000 hộp bánh khoai tây Gemez Potato, tổng trị giá lên đến 309 triệu đồng. Những phần quà đã được trao gửi tuy không lớn về vật chất nhưng thể hiện tình cảm mà KIDO dành cho lực lượng đang làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống dịch bệnh Covid-19, kịp thời hỗ trợ bà con nhân dân có hoàn cảnh khó khăn trong khu vực cách ly, phong tỏa, góp phần tạo thêm động lực cho các lực lượng tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng tâm hiệp lực cùng với nhân dân trên địa bàn chiến đấu và chiến thắng "giặc dịch".

Ngoài những hoạt động tiêu biểu trên, Tập đoàn còn đồng hành cùng các đơn vị trong các hoạt động từ thiện khác, tiêu biểu có: Phối hợp cùng Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố chăm lo cho người dân gặp khó khăn do Covid-19; Tài trợ ATM Oxy miễn phí cho bệnh nhân nhiễm Covid; Phối hợp cùng Bộ Tư lệnh Thành phố ủng hộ túi thuốc cho chiến sỹ; Phối hợp cùng chương trình Sài Gòn thương nhau tặng túi thuốc an sinh cho bệnh nhân nhiễm Covid, Ủng hộ thiết bị y tế cho tuyến đầu chống dịch....

Thông qua những hoạt động thiện nguyện đầy ý nghĩa, Tập đoàn KIDO mong muốn có thể cùng người dân "chia ngọt sẻ bùi" để vượt qua giai đoạn khó khăn trước mắt cũng như lan tỏa tinh thần "một miếng khi đói bằng một gói khi no" của người Việt Nam. Đây cũng là một trong những sứ mệnh mà KIDO đã và đang theo đuổi trong suốt những năm hoạt động.

Vào ngày 13/10, KIDO đã nhận được Bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh về những thành tích xuất sắc trong việc duy trì sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố.

GIẢI THƯỞNG ĐƯỢC GHI NHẬN

"CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN LIỀN VỚI TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA DOANH NGHIỆP, KIDO VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, CÁC NHÃN HÀNG LIÊN QUAN ĐÃ LIÊN TỤC NHẬN ĐƯỢC SỰ ĐÁNH GIÁ CAO TỪ NHÀ NƯỚC, CÁC TỔ CHỨC TRONG NĂM 2021 VỪA QUA."

1 TẬP ĐOÀN KIDO LẦN THỨ 5 LỌT TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM DO FORBES BÌNH CHỌN

Lễ trao giải 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2021 do tạp chí Forbes Việt Nam tổ chức diễn ra vào ngày 9/12/2021 tại TP. Hồ Chí Minh. Tập đoàn KIDO (KDC) là một trong số đại diện ngành thực phẩm thiết yếu được xướng tên. Và đây là lần thứ 5 KIDO vinh dự được bình chọn vào danh sách này.

Kết quả này còn đến từ sự nỗ lực không ngừng của KIDO Group trong bối cảnh thị trường năm 2021 gặp nhiều khó khăn, biến động với nhiều mảng xám khi hầu hết các doanh nghiệp đều chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Theo đó, KIDO Group không những hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đề ra, mà trong năm qua, KIDO còn đóng góp hơn 3,5 tỷ đồng vào các hoạt động đồng hành cùng cả nước phòng chống dịch bệnh COVID-19.

2 KIDO ĐƯỢC VINH DANH TOP 50 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM 2021

Bảng xếp hạng Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận Xuất sắc Việt Nam được Vietnam Report công bố nhằm ghi nhận và tôn vinh Top 50 Doanh nghiệp đạt lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam, đồng thời duy trì được hiệu quả kinh doanh ổn định và bền vững trong giai đoạn 2020 - 2021.

Cùng với các doanh nghiệp hàng đầu như Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tập đoàn Vingroup... Tập đoàn KIDO đã xuất sắc ghi tên mình vào danh sách Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2021.

3 TƯỜNG AN VÀ KIDO FOODS ĐƯỢC VINH DANH TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2021

Cùng với Công ty mẹ KIDO, 02 thương hiệu thành viên của Tập đoàn cũng được xướng tên trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021.

Theo đó, Tường An đã vinh dự đứng thứ hạng 183 trong Bảng xếp hạng Profit500 - Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021. Mặt khác, KIDO Foods đứng thứ hạng 200 trong danh sách trên.

GIẢI THƯỞNG ĐƯỢC GHI NHẬN (tiếp theo)

4 TƯỜNG AN VÀ KIDO FOODS TIẾP TỤC GÓP MẶT TRONG DANH SÁCH TOP 10 CÔNG TY THỰC PHẨM UY TÍN NĂM 2021

Đây là năm thứ năm liên tiếp Top 10 Công ty uy tín ngành Thực phẩm - Đồ uống được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với các đơn vị truyền thông công bố, dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.

Trong đó, Tường An xuất sắc được vinh danh vào hạng mục Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2021, nhóm ngành Thực phẩm đóng gói, gia vị, dầu ăn. KIDO Foods nằm trong danh sách Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2021, nhóm ngành Sữa và sản phẩm từ sữa cùng với các công ty lớn khác như Công ty CP Sữa Việt Nam, Công ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam, Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu, Công ty CP Sữa Quốc tế, Mead Johnson Nutrition Việt Nam...

CÔNG TY THỰC PHẨM UY TÍN NĂM 2021

Nhóm ngành: Sữa và sản phẩm từ sữa

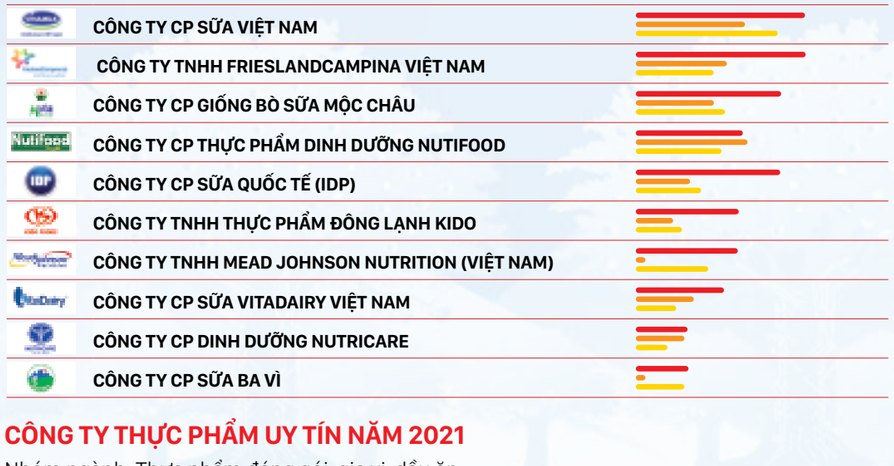

CÔNG TY THỰC PHẨM UY TÍN NĂM 2021

Nhóm ngành: Thực phẩm đóng gói, gia vị, dầu ăn,...

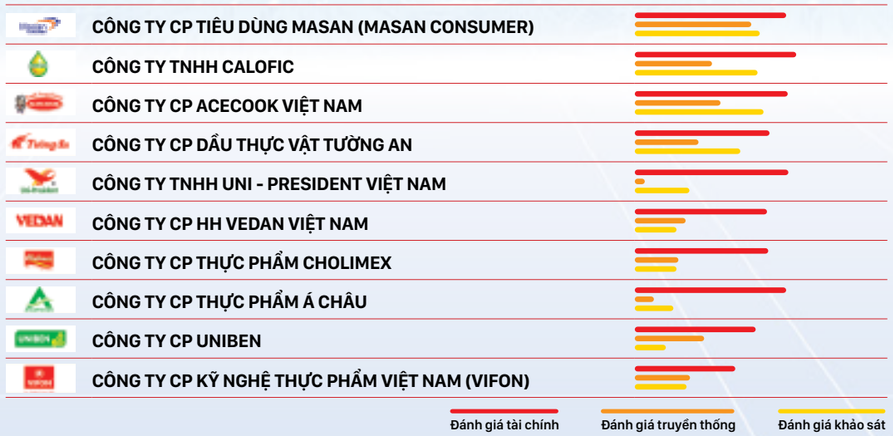

5 TƯỜNG AN ĐƯỢC VINH DANH TOP 10 THƯƠNG HIỆU TĂNG TRƯỞNG TỐT NHẤT 2021

Theo báo cáo của "Asia Brand Footprint 2021" công bố bởi Kantar vào 18/6/2021 (Báo cáo Dấu chân thương hiệu Châu Á 2021), Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An đã xuất sắc lọt Top 10 Thương hiệu tăng trưởng tốt nhất khu vực nông thôn năm 2021.

Đây cũng là lần thứ 3 liên tiếp Công ty CP Dầu thực vật Tường An nằm trong danh sách Top 10 Thương hiệu tăng trưởng tốt nhất 2021. Bên cạnh đó, Tường An còn ghi dấu ấn mạnh mẽ khi tăng 7 hạng trong danh sách Top 50 Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất khu vực nông thôn, xếp hạng thứ 18/50 khu vực thành thị và 32/50 khu vực nông thôn.

Dựa trên tỷ lệ phần trăm tăng trưởng CRP (Điểm tiếp cận người tiêu dùng) trong **Top 50 thương hiệu** được lựa chọn nhiều nhất

Thành thị 4 thành phố

Xếp hạng 2021	Thương hiệu	CRPs (Triệu điểm)	Tăng trưởng CRPs	Tỷ lệ thâm nhập 2021	Lựa chọn của người tiêu dùng năm 2021
37	Yakult	4,1	33,3	47,9	3,2
40	Vifon	4,7	33,1	25,1	5,4
47	C2	3,6	30,2	25,8	4,6
20	Lifebouy	7,5	18,3	68,4	3,6
25	Omachi	6,6	16,9	55,4	3,9
13	Cholimex	8,5	14,7	56,8	4,9
34	Vissan	5,1	13,0	38,7	4,3
48	Ba Cô Gái	3,6	13,0	33,9	3,5
12	Maggi	8,9	11,9	68,8	4,2
15	Simply	8,0	8,8	52,7	5,0

Khu vực nông thôn

Xếp hạng 2021	Thương hiệu	CRPs (Triệu điểm)	Tăng trưởng CRPs	Tỷ lệ thâm nhập 2021	Lựa chọn của người tiêu dùng năm 2021
40	Omachi	18,5	39,3	29,2	3,6
24	Meizan	31,3	25,1	37,0	4,8
10	Tường An	22,5	23,9	54,7	5,7
29	Simply	54,8	23,8	45,7	3,2
32	Coca - Cola	25,6	23,6	37,5	3,4
25	Lifebouy	30,3	18,0	48,5	3,6
22	One One	32,6	17,2	48,8	3,8
6	Chinsu	72,1	16,2	77,3	5,3
30	Ngôi Sao Phương Nam	24,9	12,3	25,7	5,5
46	G7	16,2	11,9	26,3	3,5

6 KIDO NHẬN BẰNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH VỀ NHỮNG NỖ LỰC TRONG VIỆC DUY TRÌ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Trong khuôn khổ chương trình kỷ niệm 17 năm ngày doanh nhân Việt Nam 13/10/2004 - 13/10/2021, Tập đoàn KIDO đã xuất sắc nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về những nỗ lực trong việc duy trì sản xuất kinh doanh và tích cực trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, hai thành viên trong Ban Tổng Giám đốc là ông Trần Kim Thành - Chủ tịch HĐQT Tập đoàn và ông Trần Lệ Nguyên - Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng đã xuất sắc trở thành 2/7 cá nhân nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 4832/QĐ-UBND vì đóng góp tích cực trong công tác phòng, chống dịch trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

LINH HOẠT THÍCH ỨNG

BỨT PHÁ VƯƠN XA

KIDO GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

KIDO

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	96 - 97
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	98
Báo cáo kiểm toán độc lập	100
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	102 - 104
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	105
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	106 - 107
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	108 - 146

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thực phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông **Trần Kim Thành**	Chủ tịch
Ông **Trần Lệ Nguyên**	Phó Chủ tịch
Bà **Vương Bửu Linh**	Thành viên
Bà **Vương Ngọc Xiềm**	Thành viên
Bà **Nguyễn Thị Xuân Liễu**	Thành viên
Ông **Trần Quốc Nguyên**	Thành viên
Ông **Nguyễn Văn Thuận**	Thành viên
Ông **Nguyễn Gia Huy Chương**	Thành viên
Ông **Nguyễn Đức Trí**	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Chi**	Trưởng Ban
Ông **Lương Quang Hiển**	Thành viên
Bà **Lương Mỹ Duyên**	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông **Trần Lệ Nguyên**	Tổng Giám đốc
Bà **Vương Bửu Linh**	Phó Tổng Giám đốc
Bà **Vương Ngọc Xiềm**	Phó Tổng Giám đốc
Bà **Nguyễn Thị Xuân Liễu**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Trần Quốc Nguyên**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Wang Ching Hua**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Mai Xuân Trầm**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Bùi Thanh Tùng**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Trần Tiến Hoàng**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Mã Thanh Danh**	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ◊ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ◊ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ◊ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ◊ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0302705302 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60752643/22629833-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN/HN

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**7.013.592.235.348**	**5.477.496.873.438**
110	**I.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**5**	**1.281.295.490.335**	**1.102.117.058.476**
111	1.	Tiền		1.108.748.490.335	729.117.058.476
112	2.	Các khoản tương đương tiền		172.547.000.000	373.000.000.000
120	**II.**	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**481.213.039.652**	**687.400.411.907**
121	1.	Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	401.120.064
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(299.590)	(708.157)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.1	480.812.219.178	687.000.000.000
130	**III.**	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**6**	**2.552.304.855.441**	**2.328.041.202.988**
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		534.418.458.450	581.443.318.378
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		82.808.834.331	20.944.018.967
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	30.000.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác		1.936.400.703.695	1.840.621.892.710
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.039.058.965)	(145.662.868.175)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý		715.917.930	694.841.108
140	**IV.**	**Hàng tồn kho**	**7**	**2.494.656.323.857**	**1.211.415.709.803**
141	1.	Hàng tồn kho		2.500.004.641.484	1.213.884.465.744
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.348.317.627)	(2.468.755.941)
150	**V.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**204.122.526.063**	**148.522.490.264**
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	21.585.105.666	15.009.680.166
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		160.465.716.904	96.640.165.120
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	22.071.703.493	36.872.644.978

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7.059.113.322.585**	**6.871.658.282.809**
210	**I.**	**Các khoản phải thu dài hạn**	**9**	**64.433.132.352**	**57.392.752.293**
212	1.	Trả trước cho người bán dài hạn		12.025.157.974	13.202.768.168
216	2.	Phải thu dài hạn khác		52.407.974.378	44.189.984.125
220	**II.**	**Tài sản cố định**		**2.540.831.124.748**	**2.676.569.905.670**
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	10	746.069.680.722	778.465.161.403
222		Nguyên giá		2.298.990.718.719	2.216.795.520.938
223		Giá trị hao mòn lũy kế		(1.552.921.037.997)	(1.438.330.359.535)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	11	1.794.761.444.026	1.898.104.744.267
228		Nguyên giá		2.338.525.283.215	2.338.525.283.215
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(543.763.839.189)	(440.420.538.948)
230	**III.**	**Bất động sản đầu tư**	**12**	**4.600.922.314**	**4.793.303.446**
231	1.	Nguyên giá		11.797.057.729	11.797.057.729
232	2.	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.196.135.415)	(7.003.754.283)
240	**IV.**	**Tài sản dở dang dài hạn**		**167.738.466.872**	**55.935.997.772**
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	167.738.466.872	55.935.997.772
250	**V.**	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**3.953.358.790.928**	**3.753.688.645.919**
252	1.	Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát	14.3	3.927.709.623.454	3.728.039.478.445
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.4	19.279.167.474	19.279.167.474
255	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	6.370.000.000	6.370.000.000
260	**VI.**	**Tài sản dài hạn khác**		**328.150.885.371**	**323.277.677.709**
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	8	80.791.966.461	83.147.924.457
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	73.030.005.526	35.102.047.215
269	3.	Lợi thế thương mại	4	174.328.913.384	205.027.706.037
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**14.072.705.557.933**	**12.349.155.156.247**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**7.178.062.904.992**	**4.649.767.703.507**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**5.397.243.052.107**	**3.805.344.840.749**
311		1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	779.148.963.652	545.807.652.885
312		2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	86.793.149.476	107.877.823.299
313		3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	89.381.013.819	26.399.243.433
314		4. Phải trả người lao động		39.587.955.053	82.947.253.716
315		5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	390.040.662.006	182.740.524.849
318		6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		187.945.590	857.414.634
319		7. Phải trả ngắn hạn khác	19	403.472.718.854	247.836.099.168
320		8. Vay ngắn hạn	20	3.501.317.726.244	2.540.992.898.218
322		9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	107.312.917.413	69.885.930.547
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**1.780.819.852.885**	**844.422.862.758**
337		1. Phải trả dài hạn khác		18.499.124.098	19.673.425.529
338		2. Vay dài hạn	20	997.575.613.014	8.876.574.921
341		3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	728.047.184.290	785.185.117.181
342		4. Dự phòng phải trả dài hạn		36.697.931.483	30.687.745.127
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**6.894.642.652.941**	**7.699.387.452.740**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**		**6.894.642.652.941**	**7.699.387.452.740**
411		1. Vốn cổ phần	22.1	2.797.413.560.000	2.797.413.560.000
411a		- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.797.413.560.000*	*2.797.413.560.000*
412		2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	2.970.918.858.330	3.850.410.394.900
414		3. Vốn khác của chủ sở hữu	22.1	104.000.000.000	104.000.000.000
415		4. Cổ phiếu quỹ	22.1	(1.080.464.343.268)	(1.959.478.509.838)
418		5. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	74.811.345.990	74.811.345.990
420		6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	15.909.752.661	15.909.752.661
421		7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	1.790.232.958.705	840.072.182.956
421a		- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.199.831.088.827*	*636.338.981.694*
421b		- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*590.401.869.878*	*203.733.201.262*
429		8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.5	221.820.520.523	1.976.248.726.071
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**14.072.705.557.933**	**12.349.155.156.247**

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	10.675.274.452.835	8.465.765.184.497
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(178.409.982.077)	(142.149.476.764)
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	10.496.864.470.758	8.323.615.707.733
11	4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(8.445.849.542.191)	(6.558.627.299.300)
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.051.014.928.567	1.764.988.408.433
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	159.919.428.645	80.969.902.910
22	7.	Chi phí tài chính	25	(193.571.933.683)	(143.874.132.256)
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(177.888.774.790)*	*(123.638.679.427)*
24	8.	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	14.3	110.470.724.344	171.986.454.088
25	9.	Chi phí bán hàng	26	(1.196.590.673.681)	(1.044.233.676.490)
26	10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(242.722.786.530)	(421.933.248.111)
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		688.519.687.662	407.903.708.574
31	12.	Thu nhập khác		5.243.138.141	13.202.965.907
32	13.	Chi phí khác		(5.933.368.627)	(5.029.321.337)
40	14.	(Lỗ) lợi nhuận khác		(690.230.486)	8.173.644.570
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		687.829.457.176	416.077.353.144
51	16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(129.604.774.860)	(85.030.033.028)
52	17.	Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.1	95.065.891.202	(809.613.367)
60	18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		653.290.573.518	330.237.706.749
61	19.	Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22.4	590.401.869.878	203.733.201.262
62	20.	Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.5	62.888.703.640	126.504.505.487
70	21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	2.560	905
71	22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	2.560	905

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**687.829.457.176**	**416.077.353.144**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn		267.241.664.400	264.748.853.132
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(133.453.205.158)	(3.511.706.935)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.266.191.655	3.529.748.168
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(234.557.780.459)	(239.311.665.141)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ		180.436.774.787	127.695.967.585
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**771.763.102.401**	**569.228.549.953**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(63.107.950.453)	73.076.646.420
10	Tăng hàng tồn kho		(1.286.120.175.740)	(302.513.362.998)
11	Tăng các khoản phải trả		758.449.737.032	85.716.451.866
12	Tăng chi phí trả trước		(6.894.930.385)	(35.662.143.978)
14	Tiền lãi vay đã trả		(136.030.075.500)	(129.011.635.904)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(53.236.930.298)	(140.558.900.470)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.577.796.793)	(23.253.627.253)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(20.755.019.736)**	**97.021.977.636**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(227.054.105.400)	(115.347.512.387)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		3.344.291.073	27.020.219.792
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(405.812.219.178)	(592.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		642.000.000.000	538.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.496.563.965.688)	-
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000.000	493.330.290
	Tiền thu hồi ứng trước đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	300.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		236.179.831.349	175.803.718.730
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(1.242.906.167.844)**	**333.969.756.425**

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu		(500.000.000)	-
32	Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát		-	(1.986.200.000)
33	Tiền vay nhận được	20	16.070.574.209.289	8.988.678.856.106
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(14.114.108.532.288)	(8.340.017.667.446)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.3	(335.265.451.270)	(337.987.939.670)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(177.703.363.165)	(161.738.750.200)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.442.996.862.566**	**146.948.298.790**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**179.335.674.986**	**577.940.032.851**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	5	**1.102.117.058.476**	**524.590.580.422**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(157.243.127)	(413.554.797)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	5	**1.281.295.490.335**	**1.102.117.058.476**

Trần Minh Nguyệt	Nguyễn Thị Oanh	Trần Lệ Nguyên
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC" hoặc "Công ty"), các công ty con, các công ty liên kết và các công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật; và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.857 (31 tháng 12 năm 2020: 3.232).

Các công ty con

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình trạng	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Tổng Công ty Dầu Thực vật Việt Nam ("Vocarimex") (*) (**)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật và mỡ động vật	Đang hoạt động	87,29	87,29
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("TAC") (**)	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ mỡ động vật, dầu thực vật và từ các hạt có dầu	Đang hoạt động	85,07	88,44
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido ("KDF")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác	Đang hoạt động	100	100
Công ty TNHH Kido - Nhà Bè ("KNB")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật và mỡ động vật	Đang hoạt động	75,99	100
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido ("KIDOFOOD")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang tạm ngừng hoạt động	100	100
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang hoạt động	100	100
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại TTV ("TTV")	Buôn bán thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	61,00	61,00

(*) Trong năm, Tập đoàn ty đã mua thêm 44.211.900 cổ phiếu phổ thông của Vocarimex với trị giá 1.256.618.245.688 VND, tương đương 36,29% vốn cổ phần của Vocarimex, với tổng giá mua thêm bằng tiền là 1.255.618.960.000 VND. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Vocarimex từ 51% đến 87,29%.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

(**) Tập đoàn đã dùng 62.118.000 cổ phiếu của Vocarimex và 10.000.000 cổ phiếu của TAC làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Tập đoàn. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại Thuyết minh ("TM") số 20.2.

Các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình trạng	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ("Calofic")	Sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan	Đang hoạt động	24,00	24,00
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina")	Sản xuất và phân phối các sản phẩm gia dụng và mỹ phẩm	Đang hoạt động	40,00	40,00
Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm và Đồ uống Vibev ("Vibev ")	Sản xuất và phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	50,00	50,00
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco ("Dabaco Food")	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	Đang hoạt động	50,00	50,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của KDC ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 46 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 - 20 năm
Lợi thế quyền thuê đất	8 - 32 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 30 đến 45 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định tại Thông tư 45.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ với khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng được ghi nhận dự phòng khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ◊ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ◊ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ◊ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ◊ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

B09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mười (10) năm kể từ ngày mua. Chi tiết được trình bày như sau:

	VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	307.721.691.442
Tăng trong kỳ (*)	1.879.103.386
Số cuối năm	309.600.794.828
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	102.693.985.405
Phân bổ trong năm	32.577.896.039
Số cuối năm	135.271.881.444
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	205.027.706.037
Số cuối năm	174.328.913.384

(*) Trong năm, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 61% cổ phần để nắm quyền kiểm soát TTV vào ngày 27 tháng 5 năm 2021 với tổng giá mua là 61.000.000.000 VND. Giá trị sổ sách của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của TTV tại ngày mua là 59.120.896.614 VND Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lợi thế thương mại với số tiền 1.879.103.386 VND liên quan đến giao dịch hợp nhất kinh doanh này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	68.764.701.182	994.676.406
Tiền gửi ngân hàng	1.039.983.789.153	728.122.382.070
Các khoản tương đương tiền	172.547.000.000	373.000.000.000
TỔNG CỘNG	**1.281.295.490.335**	**1.102.117.058.476**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2,4% đến 3,8% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**534.418.458.450**	**581.443.318.378**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh - "TM" số 30)	*2.325.987*	*52.523.994.020*
Công ty TNHH Dịch Vụ EB	*52.234.741.062*	-
Liên hiệp HTX Thương Mại TPHCM	*23.543.779.982*	-
Công ty TNHH Đạt Toàn Phú	-	*76.486.026.142*
Công ty TNHH Đạt Toàn Phát	-	*68.930.941.960*
Phải thu từ khách hàng khác	*458.637.611.419*	*383.502.356.256*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**82.808.834.331**	**20.944.018.967**
Trong đó:		
Trả trước cho người bán khác	*82.808.834.331*	*20.944.018.967*
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**-**	**30.000.000.000**
Phải thu ngắn hạn khác	**1.936.400.703.695**	**1.840.621.892.710**
Trong đó:		
Tạm ứng để đầu tư (i)	*1.693.307.000.000*	*1.693.307.000.000*
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	*26.020.000.000*	*31.020.000.000*
Lãi tiền gửi phải thu	*2.520.283.162*	*8.457.220.544*
Khoản tạm ứng của nhân viên	*1.504.306.004*	*8.264.085.452*
Các khoản khác (ii)	*213.049.114.529*	*99.573.586.714*
Trong đó:		
Bên liên quan (TM số 30)	*22.055.803*	-
Phải thu khách hàng khác	*1.936.378.647.892*	*1.840.621.892.710*
Tài sản thiếu chờ xử lý	**715.917.930**	**694.841.108**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**(2.039.058.965)**	**(145.662.868.175)**
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.552.304.855.441**	**2.328.041.202.988**

(i) Số dư này thể hiện khoản tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Châu Á để mua các cổ phần mục tiêu.

(ii) Số dư này bao gồm khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") để tìm kiếm các khoản đầu tư mục tiêu trị giá 85.638.400.000 VND.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	145.662.868.175	119.238.873.187
Dự phòng trích lập trong năm	-	26.423.994.988
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(143.623.809.210)	-
Số cuối năm	2.039.058.965	145.662.868.175

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	847.291.551.806	481.643.133.273
Hàng đang đi đường	526.166.856.674	152.387.190.996
Thành phẩm	482.184.775.979	349.131.331.534
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	444.913.096.368	163.802.399.705
Hàng hóa	148.257.258.000	36.400.065.942
Công cụ, dụng cụ	43.305.723.895	30.520.344.294
Hàng gửi đi bán	7.885.378.762	-
TỔNG CỘNG	**2.500.004.641.484**	**1.213.884.465.744**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.348.317.627)	(2.468.755.941)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.494.656.323.857**	**1.211.415.709.803**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**21.585.105.666**	**15.009.680.166**
Chi phí tư vấn	6.577.948.154	5.077.491.117
Công cụ và dụng cụ	3.698.418.929	2.610.667.944
Chi phí thuê	2.739.869.904	2.091.419.167
Chi phí mua bảo hiểm	1.666.731.763	977.553.416
Chi phí bảo trì	1.057.145.161	-
Khác	5.844.991.755	4.252.548.522
Dài hạn	**80.791.966.461**	**83.147.924.457**
Tiền thuê đất trả trước	65.073.638.181	67.749.101.062
Công cụ và dụng cụ	10.570.354.660	9.364.455.193
Khác	5.147.973.620	6.034.368.202
TỔNG CỘNG	**102.377.072.127**	**98.157.604.623**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	12.025.157.974	13.202.768.168
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	37.011.647.546	36.967.733.995
Ký cược, ký quỹ dài hạn	15.396.326.832	7.222.250.130
TỔNG CỘNG	**64.433.132.352**	**57.392.752.293**

B09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	721.836.281.289	1.360.478.913.550	90.187.139.053	44.293.187.046	2.216.795.520.938
Mua mới trong năm	784.948.650	49.947.802.627	26.332.505.959	1.353.567.432	78.418.824.668
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.299.478.778	8.488.502.570	-	2.549.887.000	20.337.868.348
Thanh lý trong năm	(2.741.036.319)	(7.358.985.702)	(6.461.473.214)	-	(16.561.495.235)
Số cuối năm	729.179.672.398	1.411.556.233.045	110.058.171.798	48.196.641.478	2.298.990.718.719
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*157.599.488.412*	*454.389.674.745*	*26.265.761.238*	*35.601.974.369*	*673.856.898.764*
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	353.558.994.574	980.441.973.547	63.537.803.258	40.791.588.156	1.438.330.359.535
Khấu hao trong năm	32.124.892.843	84.813.449.644	9.354.369.027	2.159.912.593	128.452.624.107
Thanh lý trong năm	(1.251.360.979)	(7.149.732.976)	(5.460.851.690)	-	(13.861.945.645)
Số cuối năm	384.432.526.438	1.058.105.690.215	67.431.320.595	42.951.500.749	1.552.921.037.997
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	368.277.286.715	380.036.940.003	26.649.335.795	3.501.598.890	778.465.161.403
Số cuối năm	344.747.145.960	353.450.542.830	42.626.851.203	5.245.140.729	746.069.680.722

B09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm và số cuối năm	517.957.052.107	833.705.110.032	78.530.943.315	462.765.852.930	445.566.324.831	2.338.525.283.215
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	*3.409.939.531*	*35.523.694.646*	-	-	*38.933.634.177*
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	116.226.304.692	107.451.217.444	49.895.383.553	72.155.071.658	94.692.561.601	440.420.538.948
Hao mòn trong năm	25.068.254.287	28.639.955.784	5.081.183.385	21.993.243.158	22.560.663.627	103.343.300.241
Số cuối năm	141.294.558.979	136.091.173.228	54.976.566.938	94.148.314.816	117.253.225.228	543.763.839.189
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	401.730.747.415	726.253.892.588	28.635.559.762	390.610.781.272	350.873.763.230	1.898.104.744.267
Số cuối năm	376.662.493.128	697.613.936.804	23.554.376.377	368.617.538.114	328.313.099.603	1.794.761.444.026

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	11.797.057.729
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	7.003.754.283
Khấu hao trong năm	192.381.132
Số cuối năm	7.196.135.415
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.793.303.446
Số cuối năm	4.600.922.314

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt và sửa chữa máy móc	165.326.466.872	40.307.566.770
Phát triển phần mềm	2.412.000.000	2.412.000.000
Khác	-	13.216.431.002
TỔNG CỘNG	**167.738.466.872**	**55.935.997.772**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

14.1 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Trái phiếu của VDS	450.000	450.000.000.000	200.000	200.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam		30.812.219.178		-
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh		-		187.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		-		140.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		-		100.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu		-		60.000.000.000
TỔNG CỘNG		**480.812.219.178**		**687.000.000.000**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.2 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	6.370.000.000	6.370.000.000

14.3 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND
Calofic	24,00	1.995.864.640.724	24,00	1.998.165.127.778
Lavenue (*)	50,00	1.069.509.263.273	50,00	1.069.251.759.815
LG Vina	40,00	570.079.262.907	40,00	560.624.592.814
Dabaco Food	50,00	102.927.874.250	50,00	99.997.998.038
Vibev	49,00	189.328.582.300	-	-
TỔNG CỘNG		**3.927.709.623.454**		**3.728.039.478.445**

(*) Lavenue là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản. Lavenue có trụ sở chính được đăng ký tại số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Lavenue hiện là chủ đầu tư của Dự án Lavenue Crown ("Dự án") toạ lạc tại số 8 - 12, Đường Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kể từ năm 2018, việc thực hiện đầu tư dự án này của Lavenue đã được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra toàn diện.

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST về các vấn đề vi phạm quyết định quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí liên quan đến dự án Lavenue Crown.

Từ ngày 29 tháng 11 năm 2021 đến ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án tiếp tục xét xử phúc thẩm để giải quyết kháng cáo của các đương sự đối với bản án sơ thẩm nêu trên. Tuy nhiên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa nhận được thông báo chính thức nào từ cơ quan có thẩm quyền về kết quả của bản án phúc thẩm này.

Cũng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự tiếp theo, cũng như tích cực theo dõi các hướng dẫn và yêu cầu cập nhật, nếu có, từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề nêu trên. Đồng thời, Ban Lãnh đạo của Tập đoàn luôn thể hiện sự sẵn sàng thực hiện các quyết định thích hợp để cùng tiếp tục đầu tư và phát triển Dự án.

B09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.3 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

VND

	Lavenue	Vibev	Calofic	LG Vina	Dabaco Food	Tổng cộng
Giá trị đầu tư						
Số đầu năm	1.087.500.000.000	-	1.383.942.384.943	548.458.021.068	116.000.000.000	3.135.900.406.011
Tăng trong năm	-	196.000.000.000	-	-	-	196.000.000.000
Số cuối năm	1.087.500.000.000	196.000.000.000	1.383.942.384.943	548.458.021.068	116.000.000.000	3.331.900.406.011
Phần lũy kế trên lãi (lỗ) sau khi hợp nhất của các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát						
Số đầu năm	(18.248.240.185)	-	614.222.742.835	12.166.571.746	(16.002.001.962)	592.139.072.434
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	257.503.458	(6.671.417.700)	104.500.092.281	9.454.670.093	2.929.876.212	110.470.724.344
Cổ tức được chia trong năm	-	-	(106.800.579.335)	-	-	(106.800.579.335)
Số cuối năm	(17.990.736.727)	(6.671.417.700)	611.922.255.781	21.621.241.839	(13.072.125.750)	595.809.217.443
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.069.251.759.815	-	1.998.165.127.778	560.624.592.814	99.997.998.038	3.728.039.478.445
Số cuối năm	1.069.509.263.273	189.328.582.300	1.995.864.640.724	570.079.262.907	102.927.874.250	3.927.709.623.454

14.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

VND

Tên đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ("Nakydaco")	19.279.167.474	19.279.167.474

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (TM số 30)	2.325.987	-
Apical Vietnam Oils and Fats Pte. Ltd	489.058.160.489	283.165.113.935
Khác	290.088.477.176	262.642.538.950
TỔNG CỘNG	**779.148.963.652**	**545.807.652.885**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác trả tiền trước	86.793.149.476	107.877.823.299

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.010.260.555	293.695.773.021	(290.043.228.949)	5.662.804.627
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.972.391.485)	129.604.774.860	(53.236.930.298)	49.395.453.077
Thuế thu nhập cá nhân	12.782.959.988	62.109.187.444	(66.060.187.020)	8.831.960.412
Các loại thuế khác	1.705.769.397	10.194.746.291	(8.481.423.478)	3.419.092.210
TỔNG CỘNG	**(10.473.401.545)**	**495.604.481.616**	**(417.821.769.745)**	**67.309.310.326**
Trong đó:				
Thuế nộp thừa	*(36.872.644.978)*			*(22.071.703.493)*
Thuế phải nộp	*26.399.243.433*			*89.381.013.819*

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ bán hàng	95.342.057.261	-
Chi phí tiếp thị	84.698.854.045	122.802.457.328
Chiết khấu thương mại	65.771.864.249	-
Lương tháng 13 và thưởng	63.058.232.119	35.854.905.103
Chi phí lãi vay	44.254.223.649	2.395.524.359
Phí vận chuyển	25.624.367.810	6.724.006.403
Khác	11.291.062.873	14.963.631.656
TỔNG CỘNG	**390.040.662.006**	**182.740.524.849**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tín dụng thư trả chậm	318.948.873.936	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	23.840.000.000	11.920.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.499.904.850	3.269.078.063
Cổ tức phải trả	8.695.406.275	214.547.956.710
Phải trả về cổ phần hóa	12.716.244.592	12.716.244.592
Khác	36.772.289.201	5.382.819.803
TỔNG CỘNG	**403.472.718.854**	**247.836.099.168**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 30)	*23.840.000.000*	*11.920.000.000*
Phải trả các bên khác	*379.632.718.854*	*235.916.099.168*

20. VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	**3.501.317.726.244**	**2.540.992.898.218**
Vay ngân hàng (TM số 20.1)	3.499.780.207.750	2.539.987.333.993
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.537.518.494	1.005.564.225
Vay dài hạn	**997.575.613.014**	**8.876.574.921**
Vay từ tổ chức khác (*)	7.767.613.017	8.876.574.921
Trái phiếu thường trong nước (TM số 20.2)	989.807.999.997	-
TỔNG CỘNG	**4.498.893.339.258**	**2.549.869.473.139**

(*) Đây là khoản nợ tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988.

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	2.540.992.898.218	8.876.574.921	2.549.869.473.139
Tiền thu từ đi vay	15.070.574.209.289	1.000.000.000.000	16.070.574.209.289
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	996.186.333	(996.186.333)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.862.964.692	(112.775.571)	2.750.189.121
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	(10.192.000.003)	(10.192.000.003)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(14.114.108.532.288)	-	(14.114.108.532.288)
Số cuối năm	3.501.317.726.244	997.575.613.014	4.498.893.339.258

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngoại tệ USD	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB") – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	880.558.717.365		Từ 3,5 đến 4	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2022 đến ngày 25 tháng 3 năm 2022
Khoản vay 2	471.273.549.829		Từ 3,7 đến 4,3	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2022 đến ngày 23 tháng 5 năm 2022
Khoản vay 3	148.386.248.068		3,3	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2022 đến ngày 28 tháng 2 năm 2022
Khoản vay 4	67.207.516.675		Từ 4,1 đến 5	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 1	568.371.142.820		4	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2022 đến ngày 16 tháng 4 năm 2022
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	271.566.773.370		Từ 3,8 đến 4,1	Từ ngày 18 tháng 2 năm 2022 đến ngày 11 tháng 3 năm 2022
Khoản vay 2	151.718.761.860		4,1	Từ ngày 08 tháng 3 năm 2022 đến ngày 13 tháng 3 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon				
Khoản vay 1	344.400.000.000	15.000.000	2,09	Từ ngày 11 tháng 2 năm 2022 đến ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ngân hàng Cổ phần Thương mại Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	172.527.925.627		4,0	Từ ngày 5 tháng 2 năm 2022 đến ngày 10 tháng 3 năm 2022
Khoản vay 2	122.017.243.371		Từ 4,5 đến 5	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022
Ngân hàng TNHH CTBC Việt Nam				
Khoản vay 1	127.741.680.000		Từ 3,1 đến 3,4	Từ ngày 21 tháng 2 năm 2022 đến ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ngân hàng Malayan Berhad				
Khoản vay 1	131.189.111.223		Từ 3,0 đến 3,1	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2022 đến ngày 22 tháng 4 năm 2022
Khoản vay 2	17.222.040.454		3,3	Từ ngày 24 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022
Ngân hàng TMCP Shinhan				
Khoản vay 1	25.599.497.088		3,8	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2022
TỔNG CỘNG	**3.499.780.207.750**			

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("VIB")	Ngày 4 tháng 1 năm 2021	1.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ		(10.192.000.003)
TỔNG CỘNG		**989.807.999.997**

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua. Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) kể từ ngày phát hành với lãi suất 8%/năm cho hai kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là VCB, VTB, BIDV và VIB cộng với biên độ cố định 2,75%/năm.

Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước thời hạn kể từ ngày phát hành theo tỷ lệ như sau:

- ◊ Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- ◊ Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- ◊ Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- ◊ Giá trị trái phiếu còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản suất kinh doanh của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trái phiếu được sở hữu bởi VIB và được đảm bảo bằng 62.118.000 cổ phiếu của Vocarimex và 10.000.000 cổ phiếu của Tường An – các công ty trong tập đoàn (TM số 1).

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	69.885.930.547	50.435.179.132
Trích quỹ trong năm	41.804.783.659	29.837.378.668
Sử dụng quỹ trong năm	(4.377.796.793)	(10.386.627.253)
Số cuối năm	107.312.917.413	69.885.930.547

B09-DN/HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:								
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.192.080.967.500	104.000.000.000	(1.959.478.509.838)	74.811.345.990	15.909.752.661	1.899.216.361.121	5.893.073.887.434
Phát hành cổ phiếu mới để mua lại cổ phần trong công ty con	230.879.590.000	658.329.427.400	-	-	-	-	(695.454.729.444)	193.754.287.956
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	203.733.201.262	203.733.201.262
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(534.718.966.600)	(534.718.966.600)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(19.273.025.842)	(19.273.025.842)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(13.430.657.541)	(13.430.657.541)
Số cuối năm	2.797.413.560.000	3.850.410.394.900	104.000.000.000	(1.959.478.509.838)	74.811.345.990	15.909.752.661	840.072.182.956	5.723.138.726.669
Năm nay:								
Số đầu năm	2.797.413.560.000	3.850.410.394.900	104.000.000.000	(1.959.478.509.838)	74.811.345.990	15.909.752.661	840.072.182.956	5.723.138.726.669
Phát hành cổ phiếu mới để mua lại cổ phần trong công ty con	-	(500.000.000)	-	-	-	-	-	(500.000.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	-	(878.991.536.570)	-	879.014.166.570	-	-	-	22.630.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	590.401.869.878	590.401.869.878
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(137.249.460.000)	(137.249.460.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(34.515.283.355)	(34.515.283.355)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(12.532.000.000)	(12.532.000.000)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	544.055.649.226	544.055.649.226
Số cuối năm	2.797.413.560.000	2.970.918.858.330	104.000.000.000	(1.080.464.343.268)	74.811.345.990	15.909.752.661	1.790.232.958.705	6.672.822.132.418

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông vào ngày 20 tháng 9 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện 10:1 (10 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu mới). Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ dùng để phát hành cổ phiếu thưởng là 22.874.910 cổ phiếu và việc phân phối cổ phiếu quỹ được sử dụng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Việc sử dụng cổ phiếu quỹ đã được thông qua bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã được hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	279.741.356	279.741.356
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	279.741.356	279.741.356
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(28.117.346)	(50.992.256)
Trong đó: được nắm giữ bởi Công ty	*(28.117.346)*	*(50.992.256)*
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	251.624.010	228.749.100

22.3 Cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố cho cổ đông của công ty mẹ trong năm	137.249.460.000	534.718.966.600
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	335.265.451.270	337.987.939.670

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	590.401.869.878	203.733.201.262
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(16.801.443.659)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**590.401.869.878**	**186.931.757.603**
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	230.634.395	206.483.452
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu *(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)*	2.560	905
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)*	2.560	905

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 6 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có giao dịch nào được ghi nhận liên quan tới cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng giữa ngày kết thúc năm tài chính và ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.976.248.726.071	2.262.577.626.655
Lợi nhuận thuần trong năm	62.888.703.639	126.504.505.487
Mua lại của cổ đông không kiểm soát	(1.747.619.614.915)	(195.740.487.956)
Cổ tức đã công bố	(71.618.400.000)	(169.866.804.000)
Trích lập các quỹ	(7.289.500.304)	(9.202.094.686)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(588.000.000)	(798.600.599)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	9.798.606.032	-
Sử dụng quỹ	-	(37.225.418.830)
Số cuối năm	221.820.520.523	1.976.248.726.071

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	**10.675.274.452.835**	**8.465.765.184.497**
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm đã bán	*8.955.598.554.056*	*7.810.419.713.990*
Doanh thu hàng hóa đã bán	*1.699.269.725.450*	*649.660.576.642*
Doanh thu khác	*20.406.173.329*	*5.684.893.865*
Giảm trừ doanh thu	**(178.409.982.077)**	**(142.149.476.764)**
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(137.071.393.090)	(101.996.657.632)
Giảm giá hàng bán	-	(4.813.714)
Hàng bán bị trả lại	(41.338.588.987)	(40.148.005.418)
DOANH THU THUẦN	**10.496.864.470.758**	**8.323.615.707.733**
Trong đó:		
Bán cho bên liên quan	54.806.500.448	149.539.506.300
Bán cho các bên khác	10.442.057.970.310	8.174.076.201.433

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	123.442.305.632	61.596.242.679
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.453.645.826	19.299.282.385
Khác	23.477.187	74.377.846
TỔNG CỘNG	**159.919.428.645**	**80.969.902.910**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.438.214.966.022	5.965.601.301.776
Giá vốn của hàng hóa đã bán	983.768.505.296	571.925.523.996
Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	2.879.561.686	(905.140.201)
Khác	20.986.509.187	22.005.613.729
TỔNG CỘNG	**8.445.849.542.191**	**6.558.627.299.300**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	177.888.774.790	123.638.679.427
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.550.876.541	7.136.129.338
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.547.999.997	4.057.288.158
Khác	5.584.282.355	9.042.035.333
TỔNG CỘNG	**193.571.933.683**	**143.874.132.256**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	581.879.575.734	484.007.472.185
Chi phí vận chuyển	167.759.811.582	107.603.333.112
Quảng cáo và khuyến mãi	165.568.805.370	160.707.691.645
Chi phí mua ngoài	158.014.278.179	193.963.988.615
Khấu hao và hao mòn	68.132.652.514	65.271.695.266
Khác	55.235.550.302	32.679.495.667
TỔNG CỘNG	**1.196.590.673.681**	**1.044.233.676.490**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	180.754.638.110	178.373.855.998
Khấu hao và hao mòn	96.706.403.880	96.579.026.057
Chi phí mua ngoài	56.594.846.519	69.699.483.595
Phí thuê và bảo trì	34.338.659.105	32.113.879.901
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(137.901.265.105)	25.981.874.900
Khác	12.229.504.021	19.185.127.660
TỔNG CỘNG	**242.722.786.530**	**421.933.248.111**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	7.462.081.036.895	5.986.701.775.304
Chi phí nhân công	756.063.763.948	662.381.328.183
Giá vốn hàng hóa	983.768.505.296	571.925.523.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.841.677.866	388.699.079.543
Chi phí khấu hao và hao mòn	264.566.201.519	261.748.385.975
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(137.901.265.105)	25.981.874.900
Khác	129.743.081.983	127.356.256.000
TỔNG CỘNG	**9.885.163.002.402**	**8.024.794.223.901**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ các dự án sau:

- ◊ Thu nhập chịu thuế của Phù Đổng II được áp dụng thuế suất TNDN thông thường theo quy định (20%). Ngoài ra, Phù Đổng II được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2016) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN tương ứng trong bốn (4) năm tiếp theo; và
- ◊ Thu nhập chịu thuế của Phù Đổng III được áp dụng thuế suất TNDN thông thường theo quy định (20%). Ngoài ra, Phù Đổng III được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN tương ứng trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	129.604.774.860	84.813.625.196
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	216.407.832
	129.604.774.860	85.030.033.028
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(95.065.891.202)	809.613.367
TỔNG CỘNG	**34.538.883.658**	**85.839.646.395**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**687.829.457.176**	**416.077.353.144**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	137.565.891.435	83.215.470.630
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	6.137.256.461	10.746.617.163
Phân bổ lợi thế thương mại	6.515.579.208	6.139.758.531
Hao mòn của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được định giá lại	411.074.401	356.007.485
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(22.094.144.869)	(34.397.290.818)
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	3.263.930.568	23.884.573.786
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	-	62.260.193
Chênh lệch giữa thuế suất ưu đãi và thuế suất thông thường	-	(35.048.347)
Giảm thuế	-	(1.521.376.687)
Lỗ tính thuế các năm trước chuyển sang	(102.986.366.137)	(7.850.345.153)
Khác	5.725.662.591	5.022.611.780
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	**34.538.883.658**	**85.623.238.563**
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	216.407.832
Chi phí thuế TNDN	**34.538.883.658**	**85.839.646.395**

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TDNN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	56.996.158.175	19.637.652.339	37.358.505.836	(4.945.428.044)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.103.126.644	6.137.549.025	(1.034.422.381)	(4.390.918.345)
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.854.196.762	9.279.314.856	574.881.906	983.867.554
Các khoản dự phòng ở báo cáo tài chính riêng	1.076.523.945	47.530.995	1.028.992.950	(469.691.703)
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(3.907.588.280)	(631.797.945)	(3.275.790.335)	1.034.656.386
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(11.896.788.017)	(52.962.628.840)	41.065.840.823	(12.525.214.195)
Lãi từ mua công ty con	(73.926.849.590)	(73.926.849.590)	-	-
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(638.315.958.403)	(657.663.840.806)	19.347.882.403	19.503.114.980
TỔNG CỘNG	**(655.017.178.764)**	**(750.083.069.966)**	**95.065.891.202**	**(809.613.367)**
Trong đó:				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	*73.030.005.526*	*35.102.047.215*		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	*(728.047.184.290)*	*(785.185.117.181)*		

29.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 120.190.566.173 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 612.587.818.090 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2016	2021	88.087.258.833	(88.087.258.833)	-	-
2017	2022	79.615.353.795	(79.615.353.795)	-	-
2018	2023	187.007.586.065	(139.291.089.461)	-	47.716.496.604
2019	2024	154.133.305.314	(120.305.057.441)	-	33.828.247.873
2020	2025	109.548.112.552	(93.436.869.623)	-	16.111.242.929
2021	2026	22.534.578.767	-	-	22.534.578.767
TỔNG CỘNG		**640.926.195.326**	**(520.735.629.153)**	**-**	**120.190.566.173**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau (tiếp theo)

Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2019 đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nghị định 68/2020/NĐ-CP do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 6 năm 2020, sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2017 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nêu trên do tại thời điểm này, Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Nakydaco (*)	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	47.013.674.000	149.289.769.300
		Mua hàng hóa	2.800.525.000	1.727.000.000
Calofic	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	106.800.579.335	118.768.933.346
		Cung cấp dịch vụ	6.316.870.085	-
Dabaco	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	112.320.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido (**)	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	1.363.636.363	1.454.545.455

(*) Tập đoàn có đầu tư vào Nakydaco (sở hữu 17,8%) như trình bày tại TM số 14.4.

(**) Ông Trần Lệ Nguyên là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty và đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Địa ốc Kido.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan được trình bày như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Vibev	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa	2.325.987	-
Nakydaco	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	-	52.447.885.020
Dabaco	Công ty liên doanh đồng kiểm soát	Bán hàng hóa	-	76.109.000
			2.325.987	**52.523.994.020**
Phải thu ngắn hạn khác của khách hàng				
Kido Land Corporation	Bên liên quan	Phí thuê văn phòng	19.055.803	-
Vibev	Công ty liên doanh	Chi trả hộ	3.000.000	-
			22.055.803	**-**
Phải trả người bán ngắn hạn				
Vibev	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa	(2.325.987)	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Bên liên quan	Thù lao	(23.840.000.000)	(11.920.000.000)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	74.891.648.600	68.297.172.443
Thù lao Hội đồng quản trị	13.043.812.410	12.288.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	156.000.000	219.773.094
TỔNG CỘNG	**88.091.461.010**	**80.804.945.537**

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	59.187.910.199	49.559.963.487
Từ 1 đến 5 năm	69.329.184.170	75.923.898.254
Trên 5 năm	15.961.230.594	10.227.260.974
TỔNG CỘNG	**144.478.324.963**	**135.711.122.715**

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 252.000.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và đầu tư vào đơn vị khác.

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro vì lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm ngành dầu ăn, ngành hàng thực phẩm và các ngành hàng khác.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có có rủi ro vì lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Tập đoàn.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

B09-DN/HN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

VND

	Ngành dầu ăn	Ngành hàng thực phẩm	Các ngành khác	Tổng cộng
Năm nay				
Doanh thu bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.013.138.989.531	1.591.702.582.181	70.432.881.123	10.675.274.452.835
Các khoản giảm trừ doanh thu	(108.913.872.529)	(69.496.109.548)	-	(178.409.982.077)
	8.904.225.117.002	**1.522.206.472.633**	**70.432.881.123**	**10.496.864.470.758**
Lợi nhuận gộp bộ phận	**1.227.550.385.146**	**809.834.658.324**	**13.629.885.097**	**2.051.014.928.567**
Chi phí bán hàng	(846.967.391.424)	(342.999.277.441)	(6.624.004.816)	(1.196.590.673.681)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(280.312.955.616)	(61.292.005.481)	98.882.174.567	(242.722.786.530)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	104.500.092.281	2.929.876.212	3.040.755.851	110.470.724.344
Doanh thu tài chính				159.919.428.645
Chi phí tài chính				(193.571.933.683)
Lỗ khác				(690.230.486)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				**687.829.457.176**
Tài sản bộ phận	**8.491.731.032.114**	**1.073.711.790.227**	**5.421.891.756.524**	**14.987.334.578.865**
Đối chiếu:				
Phải thu nội bộ				(914.629.020.932)
Tổng tài sản				**14.072.705.557.933**
Nợ phải trả bộ phận	**3.103.058.121.439**	**436.788.513.671**	**4.552.845.290.814**	**8.092.691.925.924**
Đối chiếu:				
Phải trả nội bộ				(914.629.020.932)
Tổng nợ phải trả				**7.178.062.904.992**

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo ngành hàng của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

VND

	Ngành dầu ăn	Ngành hàng thực phẩm	Các ngành khác	Tổng cộng
Năm trước				
Doanh thu bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	7.010.553.547.142	1.342.102.870.246	113.108.767.109	8.465.765.184.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	(92.003.390.329)	(47.398.096.036)	(2.747.990.399)	(142.149.476.764)
	6.918.550.156.813	**1.294.704.774.210**	**110.360.776.710**	**8.323.615.707.733**
Lợi nhuận gộp bộ phận	**993.030.678.683**	**744.459.998.722**	**27.497.731.028**	**1.764.988.408.433**
Chi phí bán hàng	(611.854.515.444)	(429.331.534.276)	(3.047.626.770)	(1.044.233.676.490)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(307.929.499.963)	(72.804.825.853)	(41.198.922.295)	(421.933.248.111)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	171.565.946.245	(2.325.395.051)	2.745.902.894	171.986.454.088
Doanh thu tài chính				80.969.902.910
Chi phí tài chính				(143.874.132.256)
Lợi nhuận khác				8.173.644.570
Lợi nhuận kế toán trước thuế				**416.077.353.144**
Tài sản bộ phận	**9.277.263.165.959**	**1.307.936.911.764**	**3.323.850.031.767**	**13.909.050.109.490**
Đối chiếu:				
Phải thu nội bộ				(1.559.894.953.243)
Tổng tài sản				**12.349.155.156.247**
Nợ phải trả bộ phận	**3.312.652.311.362**	**702.523.574.051**	**2.194.486.771.337**	**6.209.662.656.750**
Đối chiếu:				
Phải trả nội bộ				(1.559.894.953.243)
Tổng nợ phải trả				**4.649.767.703.507**

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trần Minh Nguyệt	Nguyễn Thị Oanh	Trần Lệ Nguyên
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

KIDO GROUP

138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
T : (+84-28) 3827 0468
F : (+84-28) 3827 0469
E : info@kdc.vn
www.kdc.vn